

T342



TỈNH BÌNH-THUẬN

hülle

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUYÊN

ĐC / 47 / 05

ĐC-43.1

1959

CHỖ ĐÓNG CHẤM - TÊN ĐỊA DƯ

PHẦN THỨ NHẤT

LỊCH SỬ.

Đất Bình-thuận trước kia là của người Chăm (Chiêm-Thành).

Năm 1497 (đời Vua Lê-Thánh-Tôn) địa giới nước Việt-nam chỉ mở rộng đến tỉnh Bình-định.

Năm 1611 (khi ông Nguyễn-Hoàng vào trấn xứ Nam), mở rộng đến Phú-Yên, và năm 1653 mở rộng đến Khánh-hòa.

Năm Quý Dậu (1693), nữ Vương Chăm là Bà Tranh, khởi hân Chúa Nguyễn là Nguyễn-Phúc-Châu phái viên Chưởng cơ là Nguyễn-hữu-Chung đem binh đi đánh, bắt được các yếu-nhân Chăm là Bà Tranh, Bà Ân, Tả-Thần-Viên và Kê-Bá-Tử giải về Phú-Xuân (tức Kinh Thành Huế).

Từ đây, bờ cõi Việt-nam mở rộng đến giáp giới nước Chân-lạp (tức Nam phần ngày nay).

Lúc bấy giờ, địa phận từ phía Nam sông Phan-rang trở vào giáp giới tỉnh Biên-hòa được đặt tên là Thuận-phủ; qua năm sau, chúa Nguyễn đổi Thuận-phủ làm Thuận-thành-Trần.

THƯ VIỆN
BÌNH THUẬN

ĐC-ĐB 02

...../2

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

Năm Đinh Sửu (1697), Chúa Nguyễn đổi Thuận-thành Trấn ra Bình-thuận Phủ, lấy đất Phan-lang (Phan-rang) làm huyện An-phước và đất Phan-lý (Phan-rí) làm Huyện Hoà-đa.

Năm 1786, quân Tây-sơn chiếm giữ Bình-thuận Phủ. Nhưng đến năm 1790, cháu Chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc-Anh đánh lấy lại được, và đến năm 1800 mới đặt quan Lưu-thú cai trị ở đây.

Đến niên hiệu Gia-long thứ bảy (1809), Bình-thuận Phủ được đổi làm Bình-thuận Trấn; năm 1811 chức Lưu-thú đổi ra chức Trấn-Thủ.

Đến niên hiệu Minh mạng thứ tám (1827), chức Trấn-thủ lại đổi ra chức Hiệp trấn tam hiệp. Cách năm sau, Phủ Ninh-thuận (tức tỉnh Ninh-thuận bây giờ), Huyện Tuy-phong và Huyện Tuy-dinh đều được thiết lập.

Khi ấy, Trấn-Bình-thuận địa thế rộng hơn tỉnh Bình-thuận bây giờ. Bắc giáp Khánh-hòa, Nam giáp Biên-hòa, Trấn Bình-thuận chia làm 2 phủ :

1.- Phủ Ninh-thuận gồm có huyện An-phước (từ Khánh-hòa tới sông Ma-bó) và huyện Tuy-phong (từ sông Ma-bó đến sông Duồng).

2.- Phủ Hàm-thuận gồm có huyện Hòa-đa (từ sông Duồng đến sông Phú-hải) và huyện Tuy-dinh (từ sông Phú-hải đến Biên-hòa).



Lúc bấy giờ Bình-thuận Trấn có quan Thuận Khánh Tuấn Vũ làm Thủ Hiến kiêm chức Bố Chánh và có quan An Sát giúp việc.

Niên hiệu Đồng Khánh thứ ba (1888), sau khi hiệp ước Patenôtre (1884) ra đời, Bắc và Trung Việt phải chịu dưới quyền bảo hộ của người Pháp, thì Phủ Ninh-thuận và 6 làng thuộc huyện Tuy-phong cũ (làng Từ-sơn, Sơn-hải, Như-lâm, Thành-đức, Lang-nghiệp) và hai tổng Tu-tra, Ninh-giai thuộc Huyện Hòa-da cũ, đều sát nhập Tỉnh Khánh-hòa.

Niên hiệu Thành Thái thứ mười hai (1900) huyện Tánh-linh và Phủ Djiring lại sát nhập Tỉnh Bình-thuận.

Năm 1910, huyện Hòa-da đổi ra phủ Hòa-da và Hòa-da thổ đổi ra làm huyện Phan-ly-Chàm.

Năm 1913, tỉnh Đông-nai-thượng được lập lại nên phủ Djiring (Di-linh) phải giao hoàn về Tỉnh ấy.

Từ đây, tỉnh Bình-thuận gồm có hai phủ là Hàm-thuận và Hòa-da, với bốn huyện là Tuy-phong, Phan-ly-Chàm, Tuy-dinh (tức Hàm-tân bấy giờ) và Tánh-linh.

Tỉnh lỵ Bình-thuận phải dời đổi nhiều lần :

- Về Triều Gia-long, Thành Bình-thuận lập tại địa phận làng Thanh-tu, gần Phan-rí;
- Năm Minh Mạng thứ 18 (1837) dời về Đông-an;

- Năm Tự-đức thứ 12 (1859) dời về Xuân-yên;
- Thành làm bằng đất, chu vi 250 trượng (mỗi trượng dài 4 thước tây), có 4 cửa ra vào, trên mỗi cửa có lầu chuông, chung quanh thành có hào rộng 4 trượng.
- Năm Thành Thái thứ 5 (1893), Thành Bình-thuận lại dời đến địa phận làng Hòa-an thuộc phủ Hòa-đa. Đến năm Thành Thái thứ 10 (1898) Tỉnh lý đóng tại làng Phú-tài thuộc phủ Hàm-thuận. Tại đây, Thành Bình-thuận được xây bằng gạch tương đối kiên cố, chu vi 75 trượng (300 thước tây), có 4 cửa (Đông, Tây, Nam, Bắc) và không có hào chung quanh.

Cũng tại nơi đây, nhân dân Bình-thuận đã dựng bia ghi tạc công đức của nhà Chí sĩ Ngô-đình-Diệm (là người làm Tuần Vũ tỉnh này) để tỏ lòng sùng kính một bậc hiền nhân quân tử, tài cao trí rộng, mà hồi ấy đã nổi tiếng thanh liêm, công minh và sáng suốt không ai bì kịp.

Những di tích lịch sử ấy, kể cả thành trì và tất cả dinh thự, đền đài trong thành đều bị bọn Việt-Minh Cộng sản tàn phá vào tháng Chạp năm 1945. Nay chỉ còn lưu lại những dấu vết thương tâm cho người dân Bình-thuận.

Mỗi khi đi qua làng Phú-tài, đồng bào địa phương nhất là các cụ già đều không khỏi rơi lụy và không ngớt lời nguyên rủa lũ giặc "Hô" vong cội, phá đổ cơ đồ.

Tấm bia tri ân Ngô đại nhân (danh hiệu tạc trên bia) tuy không còn đó nữa nhưng tên tuổi và công đức của Người trong bia vẫn còn trường tồn với thời gian, với sông núi, vì uy danh của Người đã khắc sâu vào tâm khảm của nhân dân Bình-thuận từ thuở nào.

Trải qua bao Triều đại, tỉnh Bình-thuận ngày nay đã vươn mình trong lãnh thổ quốc gia Việt-nam độc lập dưới chính thể Cộng hòa mà vị lãnh tụ tối cao đương kim Tổng Thống đầu tiên lại là người trước đây 25 năm đã trấn nhậm tỉnh này, đã rạng danh tài đức mà nhân dân Bình-thuận tạc bia ngưỡng mộ.

x

x

x

Về sau này Tỉnh lỵ Bình-thuận đặt tại Thị xã Phan-thiết (đầu năm 1957, thị xã Phan-thiết cải tổ thành xã Châu-thành Phan-thiết).

Cũng đầu năm 1957, hai quận Hàm-tân và Tánh-linh của tỉnh Bình-thuận sát nhập tỉnh Bình-tuy, mới thiết lập.

Từ đó, quản hạt tỉnh Bình-thuận còn lại 5 quận: Tuy-phong, Hòa-đa, Phan-lý-Chàm, Hàm-thuận, và Hải-ninh (quận mới này được thiết lập do nghị định số 1784-ND ngày 10-6-1955 của Tòa Đại-Biểu Chánh Phủ tại Trung Việt với hai Nha Đại Diện Hành Chánh : Mũi Né và Phú-quý (Hải Đảo) và một xã Châu thành Phan-thiết trực thuộc

quyền điều khiển của Tòa Tỉnh Trưởng Bình-thuận.

Từ ngày 17-5-1958, do Nghị định số 213-HC/PG của Bộ Nội Vụ, Nha Đại Diện Hành chánh Mũi Né được cải biên thành quận Mũi Lóng và Nha Đại Diện Hành chánh Phú Quý được cải biên thành quận Phú Quý.

Như vậy, Tỉnh Bình-thuận (tỉnh lỵ Phan-thiết) hiện có tất cả 7 quận và 54 xã kể cả xã Châu thành.

(Nơi mục tổ chức Hành chánh địa phương trong tài liệu này có trình bày tỉ-mỉ).

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ MỖI QUAN.

1.- Quận Tuy-phong :

Kể từ Bắc vào Nam, Quận Tuy-phong là địa đầu tỉnh Bình-thuận. Quận-lỵ là Long-hương cách Tỉnh-lỵ Phan-thiết 94 cây số.

Đơn vị hành chánh này được thiết lập từ năm 1827 (niên hiệu Minh Mạng thứ 8) như đã trình bày nơi trang 2 trong tài liệu này.

Trước năm 1945, đảo Phú-quý (Poulo Cécir de mer) còn thuộc quản hạt quận này. Từ ngày tái lập chính quyền Quốc gia, Đảo Phú-quý được tách riêng thành một Nha Đại diện hành chánh, đến ngày 17-5-1958 được cải biên thành Quận Phú-quý, do nghị định số 213-HC-PG của Bộ Nội Vụ.

Quận Tuy-phong hiện nay phía Tây Bắc giáp tỉnh Ninh-thuận phía Tây giáp quận Phan-lý-Chàm, phía Đông Bắc giáp biển, phía Nam giáp quận Hòa-đa.

2.- Quận Phú-quý :

Là một hòn đảo hình nhật lệ dài 8 cây số, ngang 5 cây số nằm cheo leo giữa biển Nam-hải, đi thẳng vào bờ biển Lagàn (thuộc quận Tuy-phong) chừng 120 cây số.

Khi trời thanh bạch, ở Đảo người ta nhìn thấy núi Tà Cú ở Phan-thiết, Hòn Hồng ở Phan-rí và núi Cà Ná ở Ninh-thuận.

Đảo Phú-quý trước kia là của người Chàm. Về sau có một số người Việt ở Cù-lao Ré đi đánh cá bị gió thổi tập vào Đảo ấy, thấy địa thế có thể sinh cơ lập nghiệp được nên di cư đến đó.

Dần dần, số người Việt đông hơn người Chàm, và đánh đuổi người Chàm rời khỏi Đảo này.

Hiện nay tại Đảo Phú-quý còn ngôi miếu thờ Bà Công Chúa Chàm và một vài tập quán của đồng bào ở Đảo này còn giống người Chàm.

3.- Quận Hòa-đa :

Đơn vị hành chánh này được thiết lập từ năm 1697 (đời Chúa Nguyễn-phúc-Châu) như đã trình bày nơi trang 1 và trang 2 trong tài liệu này.

Phan Rí thành; Quận-ly Hòa-đa bây giờ là Tỉnh ly Bình-thuận trước kia.

Quận Hòa-đa hiện nay phía Đông Bắc giáp quận Tuy-phong phía Tây Nam giáp Quận Hàm-thuận, phía Đông Nam giáp biển, phía Tây Bắc giáp quận Hải-ninh.

4.- Quận Phan-ly-Chàm :

Sử chép rằng năm 1956, vua Lê-Thánh-Tôn chia đất từ phía Nam sông Nha-trang vào đến Lagi (tỉnh ly Bình-tuy bây giờ) cho người Chàm tự trị.

Năm 1693, đất Chàm hoàn toàn đặt dưới quyền cai trị của Chúa Nguyễn.

Năm 1697, Chúa Nguyễn đặt Hòa-đa thổ cho người Chàm, gồm có đất Phan Lý (Phan rí). Mãi đến năm 1910, Hòa-đa Thổ (thuộc địa hạt Phủ Hòa-đa) đổi ra Phan-ly-Chàm huyện Thổ cho đến năm 1953.

Đến năm 1954, được lấy tên là Quận Phan-ly-Chàm do vị Quận trưởng gốc Chàm trực tiếp điều khiển; Quận ly đặt tại xã Hậu-an, bên quốc lộ số 1, cách Quận-ly Hòa-đa 7 cây số về phía Nam.

Quận Phan-ly-Chàm hiện nay nằm ở khoảng giữa Tỉnh Bình-thuận; Nam giáp Quận Hòa-đa, Bắc giáp tỉnh Đông-Nai-Thượng (theo dãy Trảng-sơn), đông giáp quận Tuy-phong nhưng vùng thượng du Đông-Bắc giáp quận An-phước Chàm (Tỉnh Ninh-thuận), Tây giáp quận Hàm-thuận nhưng vùng Thượng-du Tây Bắc giáp tỉnh Bình-tuy và Tỉnh Đông Nai Thượng.

5.- Quận Hàm-thuận :

Dưới thời Gia-long, Minh-mạng, địa hạt Hàm-thuận là một Phủ rất rộng : gồm có huyện Hòa-đa (từ sông Duông đến sông Phú-hải) và huyện Tuy-dinh (từ sông Phú-hải đến tỉnh Biên-hòa).

Năm 1910, huyện Hòa-đa được tách ra thành một Phủ nên địa phận phủ Hàm-thuận thu hẹp dần.

Năm 1898, Tỉnh-ly Bình-thuận đóng tại làng Phú-tài (Quận ly Hàm-thuận hồi ấy).

Kể từ năm 1913, phủ Hàm-thuận chỉ còn là một đơn vị hành chánh như các phủ, huyện khác.

Lúc bấy giờ, Tỉnh Bình-thuận đã có hai phủ là Hòa-đa và Hàm-thuận với bốn huyện là Tuy-phong, Phan-ly-Chàm, Tuy-dinh (tức Hàm-tân hiện thời) và Tánh-linh (huyện này trước kia là của Tỉnh Đông-Nai-Thượng đem sát nhập tỉnh Bình-thuận từ năm 1900).

Quận Hàm-thuận hiện nay phía Đông giáp quận Hải-long, phía Đông Nam giáp Châu Thành Phan-thiết, phía Đông Bắc giáp quận Hải-ninh, phía Tây Nam giáp tỉnh Bình-tuy, phía Tây Bắc giáp tỉnh Đông-Nai-Thượng.

Quận ly đặt tại ngoại ô Châu-thành Phan-thiết về phía Tây Bắc, giáp xã Tường-phong.

6.- Quận Hải-ninh :

Đơn vị hành chánh này được thiết lập ngày 10-6-1955 do Nghị định số 1.748-ND/PC của Tòa Đại-Biểu Chính-Phủ tại Trung-Việt.

"Hải-Ninh" là tên của một Tỉnh ở miền Cao-Nguyên Bắc Việt. Sở dĩ lấy tên Hải-ninh để đặt cho Quận này là vì nơi đây là khu vực định cư của các đồng bào Nùng, Mán, Thổ nguyên quán các vùng Móng Cáy, Đăm Hà, Hà-coi, Tiên-yên, Lạng-sơn, Cao-bằng, Lục-bình v.v... thuộc miền Cao-nguyên Bắc-Việt đã kết đoàn di cư vào Nam sau ngày Hiệp định Genève ký kết.

Địa hạt quận Hải-ninh là một phần đất đai về phía Tây Bắc của phủ Hòa-đa cũ, lấy đường xe lửa làm giới hạn giữa hai quận Hải-ninh - Hòa-đa.

Quận-ly Hải-ninh đặt tại Sông Mao, cách Quận-ly Phan-lý-Chàm 3 cây số về phía Tây.

7.- Quận Hải-long :

Địa hạt quận Hải-long là một phần đất đai về phía Đông của Phủ Hàm-thuận cũ. Năm 1952, lập thành Nha Bang Tá Mũi Né, gồm phần lớn Tổng Thắng-an, trực thuộc Phủ Hàm-thuận.

Năm 1955, Bang Mũi Né được đổi ra Nha Đại Diện Hành Chánh Mũi Né, đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Tỉnh Đường Bình-thuận.

Nghị định số 213-HC-P6 ngày 17-5-1958 cải biên thành Quận hành chánh, lấy tên là quận Hải-long.

Hội còn là Nha Đại Diện Hành Chánh, địa hạt Mũi Né chỉ có 4 xã : Khánh-thiện, Thiện-khánh, Thạch-long và Thiện-nghiệp. Kể từ khi được cải biên thành quận Hải-long, Quận này có thêm 3 xã của quận Hàm-thuận bàn giao là Thanh-hải, An-hải và Phước-thiện-xuân.

Quận lỵ vẫn đặt tại Khánh-thiện (nơi Bang Tá và Nha Đại Diện Hành Chánh Mũi Né cũ).

8.- Xã Châu-thành Phan-thiết :

Châu-thành Phan-thiết trước kia là một thị trấn của người Chăm và địa danh Phan-thiết cũng do gốc chữ "MANTHIT" của Chăm mà đọc chại ra.

Từ khi có cuộc Nam tiến, người Việt lần lần di dân đến Phan thiết lập nghiệp đông đúc và người Chăm rút về quy tụ tại các vùng thuộc Hòa-đa thổ (Quận Phan lý).

Sau đó, Phan-thiết ngày càng trở nên một ngư cảng phồn thịnh, biên thành một thị xã và được chọn làm Tỉnh-lỵ của Tỉnh Bình-thuận cho đến ngày nay.

Trước năm 1957, Phan-thiết còn là một đơn vị hành chánh thị xã, do một Thị Trưởng điều khiển. Đầu năm 1957, thị xã Phan-thiết được cải tổ thành Châu thành Phan-thiết do một Hội Đồng xã phụ trách.

Theo nghị định số 213-HC-P6 của Bộ Nội Vụ thì Xã Châu thành Phan-thiết là một đơn vị hành chánh trực thuộc Quận Hàm-thuận. Nhưng vì tánh cách quan trọng của một Tỉnh-lỵ, và muốn được thuận lợi hơn, xã Châu thành Phan-thiết được đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Tòa Tỉnh Trưởng Bình-thuận.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊA LÝ

I.- Vị trí, diện tích :

Bình-thuận là một Tỉnh ở cực nam Trung phần, vào khoản giữa Đôn Kinh tuyến 116,50 và 118 (Longitude Est) và Bắc Vĩ tuyến 11,50 và 12,70 (Latitude Nord).

Đông giáp biển, Tây giáp núi Tràng Sơn và tỉnh Đồng Nai Thượng, Bắc giáp tỉnh Ninh-thuận, Nam giáp tỉnh Bình-tuy thuộc Nam phần (tỉnh này mới thiết lập kỳ tháng Giêng 1957).

Trước ngày chưa có Tỉnh Bình-tuy, phía Nam Tỉnh Bình-thuận còn giáp tỉnh Biên-hòa và Bà-ri-a thì bề dài Tỉnh Bình-thuận được trên 200 cây số chu vi chừng 500 cây số và diện tích phỏng độ 8.000 cây số vuông.

Lần đầu tiên bàn giao hải quận Hàm-tân và Tánh-linh cho Tỉnh Bình-tuy thì bề dài Tỉnh Bình-thuận còn được 144 km, 472 chu vi phỏng độ 380 cây số.

Lần thứ hai giao thêm vùng Tà-Cú và đặt xã Văn Mỹ (Quận Hàm-thuận) tạm thuộc quyền kiểm soát của Tỉnh Bình-tuy kể từ ngày cuối năm 1957, thì bề dài tỉnh Bình-thuận hiện nay còn lại 139 km 472; chu vi độ 360 cây số diện tích chung toàn Tỉnh còn lại chừng 5.235 cây số vuông.

Tính riêng (sau khi có nghị định số 215-HC-1958 ngày 17-5-58 của Bộ Nội Vụ điều chỉnh các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Bình-thuận).

- Quận Tuy-phong	:	350	cây	sô	vuông
- - Phú-quý	:	40			
- - Hòa-đa	:	614			
- - Phan-lý-châm	:	2.369			
- - Hàm-thuận	:	1.164			
(không tính xã Văn-mỹ và xã Châu thành Phan-thiết).					
- - Hải-ninh	:	450	cây	sô	vuông
- - Hải-long	:	244			
- Xã Châu thành Phan-thiết		4 km2	500.		

II.- Bình nguyên :

Bình-thuận là một tỉnh duyên hải, về phía Tây Bắc có dãy tràng sơn làm giới hạn.

Tuy thế, Tỉnh Bình-thuận không phải là bình nguyên bằng phẳng suốt từ biển đến chân núi, mà chỉ ở những vùng trung châu và các vùng châu thổ gần biển mới có đồng bằng.

III.- Núi :

Dãy Tràng-sơn chạy suốt từ bán đảo Đông dương từ Bắc chí Nam, đến địa giới tỉnh Bình-thuận thì thay đổi hình thế. Có nhiều chi núi đâm ngang và lan rộng về phía Tây và Tây Nam làm thành Cao nguyên Langbiang. Hầu hết núi ở Bình-thuận là những chi núi cuối cùng của Cao nguyên Lang-biang.

Những chi núi ấy hoặc đâm ngang ra mãi đến bờ biển (nơi xã Vĩnh-hòa, Quận Tuy-phong) làm thành một biên giới thiên tạo cho Tỉnh Bình-thuận về phía Đông Bắc, hoặc chỉ đâm ngang ra một chặng mà thôi, còn chừa lại một khoảng đồng bằng (như ở phía Tây và phía Bắc quận Tuy-phong, Quận Phan-ly-Chàm và quận Hải-ninh).

Trừ núi Ong (cao 1.300 thước), núi Cao-Ung (cao 1.280 thước thuộc địa phận quận Tân-linh, đã sát nhập tỉnh Bình-tuy, còn bao nhiêu hòn núi khác ở Bình-thuận không có hòn nào cao quá 500 thước.

Nếu kể ra thì rất nhiều; như trong phạm-vi quận Phan-ly-chàm, đồi núi chiếm 70o/o diện tích toàn quận. Những đồi núi đó nom như hình rẽ quạt, chạy dọc theo dãy Tràng-sơn, gồm có : núi Hốp, núi Ba, núi Ba-hou, núi Rai-ô, núi Cho-ré, núi Lang-hon, núi Chai, núi Đa-gia, núi Nhọn, núi Xã-tô, núi Chàn-rông, núi Châu-tá, núi Ách, núi Ech (ở xã Ma-lâm-chàm) - núi La, núi Kan, núi Chè-gô, núi Múc (ở xã Tịnh-mỹ) - núi Ta-mô, núi Chép-la, núi Ché-bút, núi Phú-han, núi Rao, núi Cà-tăng, núi Ba, núi Ga-lang, núi Cơ-ro (ở xã Hựu-an) - núi Vũ, núi Bô-rê, núi Chao-tu, núi Sam-phan, núi ông Diêm, núi Kên-kên (ở xã Lạc-trị).

Trong quận Hàm-thuận có núi Cô-nhy, núi Chóp-vung, núi Chú-dù, núi ngang (ở xã Mường Mán), núi Dung, núi Đất, núi Ba Hòn và nhiều sơn mạch như Hà-giang, Tà-mon và tổ Ong (ở xã Phú Sung), núi Bà-đăng (ở xã Kim-bình) - núi Một, núi Bà, núi Xa-thổ, núi Đất (ở xã Hòa-an - núi Tà-đôn (ở xã Hòa-vinh).

Trong quận Hải-long có núi Đất, núi Ngọc-lâm, núi Tú-lâm (ở xã An-hải) Hòn-lao, Hòn Rơm (ở ven biển xã Thạch-long).

Về phía Tây Quận Tuy-phong có rất nhiều núi. Từ ga sông lòng sông cho đến giáp giới tỉnh Ninh-thuận toàn là núi kể không xiết.

Gần quốc lộ số 1, Quận Tuy-phong có núi Mít, núi Tao. Trong quận Hòa-đa có núi Ré, núi Thần-tao, v.v....

Quận Hải-ninh nằm trong lòng chảo, bao bọc bởi những dãy núi về phía tây và phía Bắc - với một dãy núi Cát về phía Nam.

Trên đảo Phú-quý có núi Cầm, cao chừng 100 thước (ở xã Ngũ-Phụng) - núi Cao-cát, cao chừng 70 thước (ở xã Long-hải) và núi Đụn cao chừng 50 thước (ở xã Tam-thanh).

Nói về núi non ở Tỉnh Bình-thuận, người ta không quên kể những đụn (đụn) cát gần bờ biển hoặc cách xa bờ biển không bao nhiêu. Có những đụn cát cao hơn 100 thước (bên đường Phan-Thiết Mũi Né và dọc theo duyên-hải quận Hòa-đa) cỏ cây bám chặt nên đã thành những ngọn đồi nhất định không di dịch.

Về mặt quân sự, trước kia Việt Cộng đã lợi dụng vùng núi rừng hiểm trở ở Bầu-thieu (thuộc Quận Hòa-đa) tiếp giáp xã Nhơn-thiện (Hòa-đa) và xã Thiện-nghiệp (Hải-long) để tạo thành chiến khu : gọi là chiến khu Lê-hồng-Phong.

Nhìn tổng quát thì núi non ở tỉnh Bình-thuận cũng có phần thuận lợi cho việc hành quân từ miền biển lên các vùng Cao nguyên. Lâu thời, trong lúc chiến tranh, các nhà quân sự có thể chọn địa thế trú quân tại các vùng rừng núi phía tây tỉnh Bình-thuận, vì việc di chuyển từ vùng này đến vùng khác rất kín đáo nhờ có nhiều khu rừng rậm bao bọc. Tuy nhiên, núi non ở đây không tiện cho việc lập pháo đài.

Về mặt kinh tế, những núi non ấy đã cung cấp nhiều khoáng sản, nhất là nó đã tạo thành nhiều vũng đất dùng làm gạch ngói rất tốt (như ở Hàm-thuận) hoặc mỏ đá quánh dùng để xây tường (như ở Tuy-phong) hoặc những lớp cát lồi dùng để làm xà-phòng (như ở chung quanh suối Vĩnh-hảo), v.v....

IV.- Rừng :

Diện tích rừng cây trong tỉnh Bình-thuận phỏng độ 80.645 mẫu tây rừng vĩnh viễn và 400.000 mẫu tây rừng bảo vệ, choáng một phần lớn đất đai ở phía Tây Bắc quận Tuy-phong; phía Tây các Quận Phan-ly-chàm, Hải-ninh, phía Đông-Nam quận Hòa-đa và phía Tây Nam Quận Hàm-thuận.

Trong những khu rừng trùng điệp thuộc tỉnh Bình-thuận có nhiều gỗ quý như : trắc, nu, gõ, sao, bàng lán, sơn đá... nhiều cây kỹ nghệ như : dầu rái, lá buong, dầu sên... nhiều lâm sản thông dụng như : tre, lồ-ô, mây v.v....

Trung bình số thuế lâm sản thu cho Ngân sách

...../17

Quốc gia trong một năm vào khoảng trên 2 triệu bạc.

V.- Bờ biển.-

Bình-thuận là một tỉnh ở duyên-hải. Bờ biển dài trên 170 cây số tính từ Cà-Na vào Mũi Kê-Gà. Kể từ bờ biển đi vào thì chiều ngang tỉnh Bình-thuận rộng được từ 30 đến 60 cây số.

Dọc theo bờ biển có rất nhiều ngư điểm trù phú. Quan trọng nhất là Phan-thiết, Phan-rí-cửa, Mũi Né; thứ đến là Long-hương, La-gàn, Duông, Phú-hải.

Bờ biển tuy quanh co những ít có rặng đá lỏm chỏm (chỉ có ở quãng đường Vĩnh-hảo - Cà-ná) chút ít ở phía ^{Bắc} Mũi Né và quãng đường Kê-gà-Lagi).

Đảo Phú-quý (Poulo Cécir de mer) ở ngoài khơi cách xa bờ biển Bình-thuận trên 100 cây số; ghe thuyền ra vào khó khăn vì thường gặp sóng gió bất ngờ.

Trước kia Việt Cộng thường lợi dụng Đảo Phú-quý để làm căn cứ "thủy vận giao liên" giữa các tỉnh Ninh-thuận, Bình-thuận, Bình-tuy, Phước-tuy bây giờ với Phú-yên, Bình-định (liên khu 5 của chúng).

Tại Phan-thiết trong mấy năm vừa qua, bờ biển bị lở vào cả trăm thước, cuốn trôi hàng ngàn nóc nhà của đồng bào chài lưới ở các ấp Đức-thắng, Lạc-đạo.

Bờ biển Bình-thuận tiện lợi cho ghe thuyền cập bến nhưng bất tiện cho các loại tàu thủy hạng lớn và hạng trung.

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

DC / 17 / 05

VI.- Sông ngòi :

Những sông ngòi ở Bình-thuận đều phát nguyên từ những chi núi không xa biển mấy và núi rất thấp nên sức nước chảy không mạnh, do đó, chỉ có toàn là sông ngắn và cạn. Vả lại dòng sông bất thường lắm, về mùa mưa thì nước chảy ngập bờ, về mùa nắng thì phần nhiều khô cạn. Chỉ có vài khúc sông gần biển, ghe thuyền trọng tải dưới 10 tấn có thể tạm lưu thông được trên một quãng rất ngắn khi thủy triều lên.

Vì vậy, muốn thiết lập một ngư cảng tại Phan-thiết, các nhà chuyên môn đã trù liệu phải vét sông. Mương mán từ cửa bể vào trung tâm châu thành.

Các sông rạch trong tỉnh, kể từ Bắc vào Nam là :

- Sông lòng sông chảy qua xã Liên-hương thuộc quận Tuy-phong.
- Sông Lũy hay là sông Phan-rí chảy qua Phan-rí thuộc quận Hòa-đa.
- Sông Quao chảy qua Phú-hải thuộc quận Hàm-thuận.
- Sông Cà-ty (thường gọi là sông Mương-mán) chảy qua Phan-thiết.
- Sông Phan đổ xuống biển Tân-tân - Lagi (thuộc tỉnh Bình-tuy), ngăn ranh giới giữa quận Hàm-thuận và Hàm-tân.

Về mặt quân sự, các con sông ấy không có tác dụng gì đáng kể; duy về mặt kinh tế, phần nhiều sông ngòi ở Bình-thuận đã được khai thác cho việc dẫn thủy nhập điền.



Nước sông về mùa nắng tuy cạn nhưng mặt sông không thấp mấy so với mặt đất, nên từ trước các nông dân địa phương đã thực hiện các công trình tiểu thủy nông tuy thô sơ, tạm bợ nhưng vẫn có ít nhiều kết quả tốt.

Ngày nay, Đập Cây Khê (sông Quao) được xây đắp rất kiên cố, hoàn thành trong năm 1957, tưới nước trên 4.000 mẫu ruộng của 7 liên xã thuộc quận Hàm-thuận.

Đập Cái Tuy-định (sông-lòng-sông) được xây bằng bê-tông, hoàn thành trong năm 1958, là con đập lớn thứ nhì của Trung nguyên Trung phần (sau Đập Đồng-cầm Phú-yên) tưới nước trên 7.000 mẫu ruộng của quận Tuy-phong và phía Bắc quận Phan-lý-chàm.

Đập Lư-tô (được Chánh-phủ ủy ngân 800.000\$) sẽ hoàn thành trong năm 1959, sẽ tưới nước cho các đồng ruộng thuộc 3 xã Tường-phong, Đại-nấm và Phú-hội (thuộc quận Hàm-thuận).

Đập Sông-kiêng (quận Hàm-thuận) đang được trữ liệu kiên thiết (với kinh phí 2.500.000 đồng) sẽ giúp cho nông dân trong tỉnh tái canh trên 1 vạn mẫu ruộng bỏ hoang ở phía Tây Quận Hải-ninh và phía Tây Bắc quận Hàm-thuận.

(Đập Chà-văn (quận Phan-lý-chàm), được dự trữ kinh phí xây dựng là 1.000.000 đồng, cũng sẽ hoàn thành trong năm 1959.

Ngoài ra, các đập Đồng-đề (Hàm-thuận), Tà-nú

(Phan-ly-Chàm) Mường Vĩnh-hảo. (Tuy-phong) cũng đã được trù liệu thực hiện nhờ ngân sách ngoại viện.

Đập Như-xương (Hàm-thuận) được dân chúng các xã Lại-An, Kim-ngọc, và Tân-hưng tự lực tu bổ bằng phương-pháp nông tác tự động, tưới nước trên 3.000 mẫu ruộng tại 3 xã ấy.

VII.- Khí hậu :

Cũng như các Tỉnh miền duyên hải ở phía Nam bán đảo Đông Dương, Tỉnh Bình-thuận chịu ảnh hưởng gió mùa.

Từ tháng tư, tháng 5 đến tháng 10, tháng 11 dương lịch, gió thổi từ Đông-Nam về Tây-Bắc, gọi là "gió nồm" - gió nồm ở ngoài biển thổi vào cho nên thường có mưa.

Từ tháng 10, tháng 11 đến tháng 4, tháng 5 dương lịch, gió thổi từ Đông Bắc về Tây Nam, gọi là gió bắc.

Từ tháng 6 đến tháng 11 dương lịch; ở bờ biển Trung Phần thường có bão mà riêng tỉnh Bình-thuận lại ít khi có vì bờ biển Bình-thuận rất kín gió.

Gần giống như ở Nam Phần, hàng năm khí hậu tỉnh Bình-thuận chia làm 2 mùa khác nhau : mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 10 dương lịch; mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 5 dương lịch - Nhưng khí hậu ở Bình-thuận ôn hòa hơn ở các tỉnh Nam Phần, vì những có sau đây :

1/ Bình-thuận một mặt gần biển, một mặt gần núi;

biển và núi là hai nơi có khí áp (pression atmosphérique) khác nhau nên ở khoảng giữa hai miền ấy thường có gió hiu hiu, khi từ đằng này thổi tới, khi từ đằng kia thổi lại, làm cho hơi nóng của mặt trời bao giờ cũng dịu dịu chứ không đến nỗi nóng nực lắm.

2/ Nhất là ở dọc theo bờ biển, địa chất tỉnh Bình-thuận cát nhiều mà đất sét ít, hút được rất nhiều hơi ẩm thấp ở trong không khí, cho nên dầu có nắng cũng còn dễ chịu hơn ở Nam Phần.

Suốt năm, nhiệt độ ở Bình-thuận ban ngày chỉ lên xuống từ 27 đến 30 độ, ít khi ở trong bóng mát mà lên tới 32 độ. Mùa nào cũng vậy, ban đêm thường mát mẻ. Về tiết tháng 11, tháng Chạp và tháng Giêng dương lịch, nhiệt độ ban đêm có khi xuống đến 20 độ.

VIII.- Thảo mộc :

Ở Bình-thuận, các loại thảo mộc đều tùy theo từng miền mà khác nhau. Những nơi đất cát khô khan, chỉ mọc được những gai góc hoặc giống cây có dầu (dầu rái). Lúc này người ta trồng nhiều dương liễu.

Ở khoảng giữa (gần biển) có những đôi rừng thưa, cây cối cũng cần cối và rời rạc.

Ở miền núi có những khu rừng rậm rạp mênh mông, có nhiều tre nứa và các thứ cây to. Ở dọc theo bờ sông và những nơi có mạch nước thì cây cối tốt tươi.

Ở cực Nam (giáp giới tỉnh Bình-tuy) có những

khu rừng rậm rạp hơn, giống như rừng ở Nam Phần. Tại đây có nhiều cây lá buông rất to.

Cây cối, hoa quả trông trọt cũng tùy theo thổ nghị mà khác nhau : như cây lúa ở miền gần biển thì nhỏ và yếu ớt, ở miền châu thổ thì cứng cáp tốt tươi. Tại đây, người ta cũng trồng nhiều thứ cây ăn trái và một vài loại cây kỹ nghệ.

Hiện còn nhiều nơi bỏ hoang, đang được lần lượt khai phá.

IX.- Cầm thú :

Rừng núi choáng hết 7 phần 10 diện tích nên ở đây chim muông rất nhiều và có đủ các giống thường thấy ở Đông dương. Tại Trung nguyên, Trung phần không tỉnh nào có đủ và nhiều giống cầm thú bằng tỉnh Bình-thuận.

Gần những nơi có người ở, tại các vùng rừng thưa, có nhiều nai, mang (con đỏ), heo rừng và những chim muông nhỏ như : thỏ, chim đa đa, gà rừng, công, chim trĩ v.v....

Trong miền rừng núi có bò rừng, gấu, voi... thường thấy từng đàn.

Cọp và báo (beo) cũng thường thấy ở các vùng rừng rậm. Đôi khi những thú dữ ấy thường lảng vảng đến các rừng nhỏ gần đường cái và gần làng để săn mồi.

Các giống khỉ có rất nhiều ở các lùm cây rậm mọc trên bờ sông, bờ suối.

X.- Danh lam thắng cảnh :

Nói đến danh lam thắng cảnh thì trong phạm vi tỉnh Bình-thuận cũng có lắm nơi đáng kể :

Bãi biển Phan-thiết dài hơn 6 cây số, là nơi nghỉ mát của các du khách. Đẹp nhất là ở khu vực "Thước Chanh" nằm về phía tả ngạn sông Mương-mán : trước một vùng nước biếc bao la, nhìn về phía Bắc thì có núi Phú Hải, về phía Nam cách chừng 30 cây số thấy Mũi Kê-gà. Khi mặt trời gác núi, bóng chiều tha thướt trên hàng ngàn cánh buồm gió đưa phất phới ở tận ngoài khơi hoặc ở trong cửa biển, ta được ngắm một cảnh hoàng hôn xinh đẹp, mở màng, chứa chan thi vị.

Du khách đến nghỉ mát nơi đây chắc rất hài lòng, vừa được hứng gió mát lạnh, tắm nước biển trong sạch, vừa được dùng những hải vị tươi ngon.

Dọc theo bờ biển, có đường đi đến làng Phú-hải. Nơi đây hàng ngày ghe thuyền chài lưới ra vào tập nập. Trên núi Phú-hải (thường gọi là Mũi Đá) trước kia có những tòa lầu nguy nga đồ sộ là Hôtel Ngọc-lâm, Villa Montpensier đã từng thu hút các du khách ngoại quốc thuộc hàng quý tộc đến thưởng ngoạn.

Villa Montpensier là của một ông Hoàng người Pháp tên ^{Đe}/Montpensier xây cất vào khoảng 1920-1921.

Sau khi ông từ trần, tòa lầu nói trên được Chính phủ Pháp bán lại cho Bảo Đại. Đến năm 1947, tất cả Hôtel và villa nơi đây đều bị Việt Cộng phá hủy.

Hiện giờ chỉ còn trơ trọi nên, vách điêu tàn; tuy nhiên, phong cảnh Mũi Đá vẫn còn giữ mãi vẻ đẹp thiên nhiên của nó. Ở bên cạnh, vài cái tháp Chăm cổ kính càng làm cho cảnh vật nơi đây thêm ly kỳ huyền ảo.

x

x

x

Đi qua làng Phú-hải, ta sẽ đến một nơi rất ngoạn mục, cây cỏ xanh tươi, tựa hồ như một cảnh đẹp ở bên kia bờ Địa trung hải : nào là gò đồng ngồn ngang chạy thẳng ra tận ngoài biển, nào là nhà mát của người Pháp trước kia xây cất ở giữa những khu vườn thanh lịch. Ở đây khí trời trong ^{người} sạch, không ẩm thấp, gió mát quanh năm. Đối với những người không chịu nổi khí hậu Dalat, Phú-hải là nơi thừa lương dưỡng bệnh t. uyệt đích, chẳng kém Nha-trang, nhất là khách sạn Saigon lại còn có phần tiện hơn nhiều.

x

x

x

Cách Phan-thiết chừng 8 cây số theo đường đi Mũi né, có những mô đá nằm sát bờ biển mà thiên nhiên đã tạo thành những hình thể đẹp mắt. Đặc biệt có lùn đá giống hình ông Địa, nên người ta thường gọi nơi đây là chỗ "Đá Ông Địa".

Có thể nói suốt bờ biển Bình-thuận, nơi đá

Ong Địa là một chỗ tắm biển thích thú hơn cả : cảnh trí đã đẹp mắt mà cát biển lại trắng mịn; sát những mô đá mà không có đá lởm chởm; từ bờ ra khơi, không có chỗ sụp nên du khách đến tắm nơi đây dù bơi lội không thạo cũng khó chết đuối; nước biển trong xanh, nhất là về mùa hè sóng biển thường lượn rất êm đềm, bên cạnh những cụm phi lao vi vu như tiếng nhạc. Cũng dọc theo con đường này, nếu đi xa thêm chừng 10 cây số nữa (gần tới thị trấn Mũi Né), người ta sẽ thấy rừng dừa nằm vòng theo bãi biển, bao phủ một xóm chài lưới xung túc. Phía trên đường cái, từ dưới chân những mô đá lúc nào cũng có nước ngọt từ từ nhều xuống thấm vào cát biển, giữ mãi màu xanh tốt của rừng dừa và làm tăng phần mát dịu cho khí hậu nơi đây.

Chỗ này mang tên là "Rạng" mà có nhiều du khách đã ca ngợi là một thắng cảnh ở đảo "Hạ-uy-di". Nơi đây đã được Hãng phim Thăng-long điện ảnh ở Saigon chọn làm nơi ngoại cảnh cho cuốn phim "Vụ án tình" và hãng Tân Việt điện ảnh cũng đã chọn cảnh này để quay phim "Cô gái Rạch Đông".

x

x

x

Phi trường Phan-Thiết cách trung tâm châu thành chừng 4 cây số về phía Nam mà trước kia được chọn làm "Camp d'E.S.E.P.T.C." là một vùng rất đẹp.

Đứng trên ngó xuông, người ta thấy rõ cảnh vật chung quanh. Sát phi trường, về hướng đông là biển cả; phía Bắc là khoảng đất rộng từ thấp loang dần lên cao;

phía tây và Nam giáp quốc lộ số 1. Dừng xe hơi từ quốc lộ lên phi trường, người ta tưởng như đang đi trong Đô thị Dalat, và khi đến nơi, người ta tưởng như đang đứng tại hòn núi "Thiên Ân" (Quảng-Ngãi) mặc dù nơi đây không phải là núi.

Nếu châu thành Phan-thiết được mở rộng thêm thì hàng trăm mẫu đất chung quanh phi trường (hiện giờ dùng làm nghĩa địa) sẽ là nơi để xây cất công sở, đền đài, biệt thự... rất thích hợp.

x
x x

Ghềnh đá Thạch-long, cách thị trấn Mũi Né (quận lỵ Hải-long) 3 cây số về phía Đông Bắc, sát bờ biển là nơi có phong cảnh nên thơ. Có người đã ví như "Côte d'Azur" bên Pháp.

Nơi đây có nhiều mái đá dựng, tỏa nhiều bóng mát; chung quanh là sóng gợn lăn tăn, giữa những tảng đá có khe nước ngọt. Du khách đến ghềnh đá Thạch-long ngoạn cảnh, hứng gió và tắm biển sẽ tha hồ thưởng thức các món hải vị mà thiên nhiên dành sẵn như : hàu, cua, ốc, rau mực... Nơi đây vẫn thường có người đến hóng mát, dưỡng bệnh. Phía trong ghềnh, sát chân động cát có xóm chài lưới chừng 100 nóc nhà sống yên vui no ấm bên cạnh những cụm phi lao nhìn lên ghềnh đá án ngữ phía ngoài, trông có vẻ thần tiên lắm.

x
x x

Một vùng thắng cảnh quan trọng khác và cũng là nguồn lợi thiên nhiên được nhiều người ngoại quốc và trong nước đặc biệt chú ý là "suối nước nóng Vĩnh Hảo" ở làng Vĩnh-hảo thuộc quận Tuy-phong (ngoài Phan-thiết chừng 100 cây số) cách đường xe lửa 500 thước và quốc lộ số 1 đúng 1.400 thước.

Suối Vĩnh-hảo tục truyền là "Suối Tiên" vào thế kỷ 14, vua Chăm là Chế-Mân và Hoàng hậu người Việt là Huyền-Trần Công chúa (con vua nhà Trần) thường đến ngự du và tắm nước suối ở đây.

Nước suối Vĩnh-hảo là loại nước bicarbonate sodique có tính chất như nước Vichy hay nước La Vals bên Pháp, trị bệnh đau gan, dạ dày và thận rất công hiệu.

Tại suối có những phòng tắm^{và} có đủ phương tiện kỹ thuật tối tân để bơm nước vào chai...

Suối Vĩnh-hảo hiện nay do Công Ty người Việt đứng khai thác, có sự hùn vốn của Chính Phủ. Công ty này đang bắt đầu hoạt động mạnh, có nhiều triển vọng phát đạt. Hàng ngày, suối không vắng khách đến thăm, ngoạn cảnh, tắm và dưỡng bệnh.

x

x

x

Thêm một nơi danh lam thắng cảnh mà Chính quyền tỉnh Bình-thuận vừa tìm thấy trong dịp đi thị sát để chọn vùng định cư dinh điền cho đồng bào Nùng : đó là vùng Yan-Yin, cách phía tây bắc thị trấn sông Mao 17 cây số - Đi sâu vào rừng thêm 6 cây số, người ta sẽ tìm thấy các di tích lịch sử của người Chăm.

Nơi đây có một vực đá trơn tru đồ sộ, ngăm xuống một thác nước thiên nhiên, có nhiều ao vũng lắm cá, có những tảng đá tạc hình bầu rượu, yên ngựa, và nhiều hình thù kỳ lạ, có những cây hoa phong lan thơm ngát dịu hiền. Gần đó có ngọn núi dựng vách đá hùng vĩ và ngoạn mục là nơi ngự tọa của vị thần Yan-Yin.

Tục truyền Vị Thần ấy trước đã đắp suối trong vùng này để làm phương tiện đánh cá. Suối được đắp làm nhiều ngách như những chiếc "dẫn" chài cá, lùa cá vào một ngõ bí, trông chẳng khác nào như cổng ngăn nước bắt cá thường thấy ở các địa, đầm miền biển.

Nơi đây có lắm cá ngon vật lạ, phong cảnh rất nên thơ, lại có nhiều thú chim muông dễ săn bắn.

Vùng Yan-Yin đang được khai thác, nhất định sẽ trở thành một vùng trù mật, phong phú mà du khách sẽ không bỏ lỡ cơ hội đến thưởng ngoạn, săn bắn, tắm nước suối, quay phim ...

/D
~~~~~



PHẦN THỨ BA.

DÂN CƯ

1/ Dân số. -

Nhân dân tỉnh Bình-thuận, phần đông là đồng bào Việt chính công, thứ đến là đồng bào gốc Chăm, đồng bào Thượng, đồng bào Nùng và một số ít đồng bào Mán, Thổ (ba sắc dân này nguyên quán các tỉnh Cao nguyên Bắc phần di cư vào Nam sau ngày đình chiến (Hiệp định Genève tháng 7-1954) hiện lập nghiệp tại quận Hải-ninh, được thiết lập do Nghị định số 1.748 ngày 10-6-1955 của Tòa Đại-biểu Chính phủ tại Trung Việt).

Dân số toàn tỉnh hiện có 239.679 người, kể cả 11.546 đồng bào gốc Chăm, 4.160 đồng bào Thượng, 51.500 đồng bào Nùng, Mán và Thổ, 28.802 đồng bào Bắc Phần và miền Bắc Trung phần di cư và 3.375 ngoại kiều, gồm có :

- Hoa kiều : 3.349 người (đa số đã nhập Việt tịch)
- Pháp kiều: 4 -
- Ân kiều : 4 -

Trong tỉnh không có đồng bào gốc Miên.

Dưới đây là danh sách và nhân số các trại định cư (tất cả đã được sát nhập vào nền hành chính địa phương) :



|                                                 |       |        |
|-------------------------------------------------|-------|--------|
| 1) Long-lễ có                                   | 638   | người. |
| 2) Xóm Dân                                      | 3.645 | -      |
| 3) Đông Hải                                     | 371   | -      |
| 4) Phú-hải                                      | 521   | -      |
| 5) Bình-hưng                                    | 1.766 | -      |
| 6) Ma-Lân                                       | 1.120 | -      |
| 7) Thuận-nghĩa                                  | 1.627 | -      |
| 8) Sao Biển                                     | 1.383 | -      |
| 9) Long-thạnh                                   | 744   | -      |
| 10) Vĩnh-thủy                                   | 1.402 | -      |
| 11) Sông Mao                                    | 7.466 | -      |
| 12) Sông Lũy                                    | 2.745 | -      |
| 13) Phan-rí-của A                               | 118   | -      |
| 14) Phan-rí-của B                               | 359   | -      |
| 15) Tân-hưng (được<br>đổi tên là Văn-<br>Giáo)  | 1.024 | -      |
| 16) Phú-lâm (được<br>đổi tên là Văn-<br>lân)    | 2.487 | -      |
| 17) Mượng-Mán (được<br>đổi tên là<br>Văn-Phòng) | 1.386 | -      |

Dân sào tại Tỉnh lý và các Quận lý chiếm độ 40 o/o dân số toàn Tỉnh.

So với diện tích thì trung bình trong mỗi cây sào vuông có chừng 40 người (vì tỉnh Bình-thuận bị rừng núi choáng hết một phần lớn.

2/ Cư trú.-



Phần đông dân chúng sống về nông nghiệp và ngư nghiệp là hai nghề căn bản của tỉnh Bình-thuận. Đời sống của đồng bào địa phương có phần dễ dàng hơn mọi nơi, nhờ có địa thế tỉnh này vừa chạy dài ven biển có lấm cá, có điều kiện thiên nhiên để làm ruộng muối, vừa có đồng ruộng phì nhiêu vùng Trung châu, thêm vào đây có nhiều rừng cung cấp nhiều lâm sản.

Bình-thuận là một tỉnh đất rộng người thưa, và có tiếng là "tiền rừng bạc biển".

Thật vậy, đời sống của nhân dân tỉnh này có vẻ phong lưu, ít có người thất nghiệp. Cả đến những người ở các tỉnh ngoài thường tới Bình-thuận làm ăn một thời gian cũng dễ tạo được cơ hội thuận lợi để bảo đảm đời sống.

Riêng những đồng bào gốc Chăm và đồng bào Thượng, cuộc mưu sinh của họ còn cực nhọc vất vả, tuy nhờ chủ trương cải tiến dân sinh đã nâng đỡ họ một phần nào.



PHẦN THỨ TƯ

KINH TẾ

I.- TÀI CHÍNH.

1/ Về tiền tệ :

Trên thị trường, đồng bạc Việt-Nam vẫn giữ nguyên giá trị - Các thứ giấy bạc lưu hành trong tỉnh không có loại nào khan hiếm.

Thỉnh thoảng Ty Ngân khố có đổi bạc lớn ra bạc nhỏ cho dân chúng tiện tiêu dùng.

2/ Về ngân sách :

Tình hình "thu" về tài khóa 1958 (tính đến 28-2-1959)

Ngân sách quốc gia :

- số thu được xác nhận từ 1-1-58 đến 28-2-59 : 18.887.565\$46
- số thực thu từ 1-1-58 đến 28-2-59 : 12.689.226,30

Ngân sách tỉnh hạt :

- Dư thu về tài khóa 1958 (kể cả ngân sách hỗ trợ) : 37.327.200,00
- Số thuế ghi thầu từ 1-1-58 đến 28-2-59 : 43.457.099,08
- Số thuế thực thu từ 1-1-58 đến 28-2-59 : 31.693.094\$51



tình hình "thu" về tài khóa 1959 (tính đến 28-2-59)

Ngân sách quốc gia :

- số thu được xác nhận từ 1-1-59  
đến 28-2-59 : 1.056.991\$43
- số thực thu từ 1-1-59 đến 28-2-59 : 1.064.751,88

Ngân sách tỉnh hạt :

- Dự thu về tài khóa 1959 (kể cả  
ngân sách bổ trợ) : 35.679.400\$00
- Số thuế ghi thầu từ 1-1-59 đến  
28-2-59 : 3.853.181,33
- Số thuế thực thu từ 1-1-59 đến  
28-2-59 : 2.945.361,00

Tình hình "Chi" về tài khóa 1958 (tính đến 20-3-59)

- Chi về ngân sách Tỉnh hạt : 31.940.815\$56

Tình hình "Chi" về tài khóa 1959 (tính đến 20-3-59)

- Chi về ngân sách quốc gia : 8.856.398\$97
- Chi về ngân sách Tỉnh hạt : 4.731.732,08

Ngân sách Ngoại viện :

- Ủy ngân được cấp từ 1-1-57 đến 20-3-59  
và ủy ngân còn lại trong năm 1956 : 17.654.600,40
- Đã chi từ 1-1-57 đến 20-2-59 : 14.833.136,44
- Chi trong tháng 3-59 : 650.450,00

Riêng về mục ngoại ngân sách, Tòa Hành Chánh  
Bình-thuận đã nhận được ủy ngân để thực hiện chương



trình khuếch trương kinh tế trong năm 1958 là 4.400.000 đến nay đã chi tiêu hết 2.258.816\$72.

3/ Về thuế vụ :

Số thuế đã ghi bộ (tính đến 28-2-59)

a) Thuế trực thu (ngoại trừ thuế điền thổ)

- Theo đơn thu tạm về niên khóa 1958 :

- từ trước ..... 492.472\$25

- trong tháng 3-59 ..... 30.275,65

- Theo bộ đã gửi trình duyệt ..... 5.786.379,92

- Tổng số thuế trực thu đã phát hành : 6.309.127,82

- Theo đơn thu tạm về niên khóa 1959 :

- từ trước ..... 17.649\$75

- trong tháng 3-59 ..... 17.442\$70

Tổng số thuế trực thu đã phát hành : 35.092,45

b) Thuế điền thổ :

Số diện tích điền thổ đã ghi bộ trong niên khóa 1959 là 14.714ha91, và tổng số thuế đã phát hành là 1.251.404\$00.

Các bộ thuế trực thu đã được Nha Tổng Giám Đốc Thuế vụ duyệt y, tổng số hành thu cho ngân sách Quốc gia và Tỉnh hạt là 8.610.624\$82 về niên độ 1958, và 1.286.496\$45 thuộc niên khóa 1959.

c) Số thuế đã thu trong tháng 3-59 :

Thuế trực thu (từ 13-2 đến 12-3-59)



- cho ngân sách quốc gia : 495.178\$92
- cho ngân sách Tỉnh hạt : 274.642,62

Thuế gián thu :

- cho ngân sách quốc gia : 562.417\$31
- cho ngân sách Tỉnh hạt : 4.903.467,93

II.- GIAO THÔNG.

1/ Đường bộ :

- Quốc lộ số 1 xuyên qua tỉnh Bình-thuận là 139km472
- Liên tỉnh lộ số 8 (Phan-thiết - Dilinh) trong phạm vi tỉnh Bình-thuận là 53km850.

- Các tỉnh lộ :

|                                              |            |
|----------------------------------------------|------------|
| từ quốc lộ số 1 đến Sông Mao                 | : 3 km     |
| từ quốc lộ số 1 đến Sông Lũy                 | : 1 km 500 |
| từ quốc lộ số 1 đến Phan-rí của              | : 2 km 500 |
| từ quốc lộ số 1 đến Duông                    | : 2 km     |
| đường Phú-lâm Mường mán                      | : 5 km 500 |
| đường Long-hương - Sông lòng sông            | : 9 km 800 |
| đường Phan-thiết - Mũi Né                    | : 23 km    |
| đường Kim-ngọc - Tân-phú                     | : 3 km     |
| các ngã đường trong Châu thành<br>Phan-thiết | : 20 km.   |

Cộng : 70 km 300

- Các đường công hương xe Jeep có thể đi được : trên 400 cây số.



2/ Đường thủy :

- Từ La gần đến Hải đảo Phú quý : 120 km
- Từ Cà Ná vào mũi Kê Gà : trên 150 km
- Các sông, rạch trong tỉnh đều phát nguyên từ những núi không xa biển mấy nên không sâu, ghe thuyền trên 5 tấn không thể lưu thông được.

3/ Đường sắt :

- Từ Ga cà ná vào ga Sông phan : 125 km
- Chi nhánh Mường mán - Phan-thiết : 7 km 500

4/ Đường hàng không :

Phi trường Phan-thiết đặt ở Camp E.S.E.P.I.C cũ vẫn được tu bổ thường xuyên. Các loại phi cơ hạng nhẹ lên xuống dễ dàng.

Trong khoảng 4 năm nay, các phi cơ "hàng" không thấy dùng ở đây (có lẽ vì không có hành khách và đến Phan-thiết), chỉ có phi cơ Chính phủ thường dùng phi trường này mỗi khi có phái đoàn kinh lý.

Tại Hòa Đa (gần quận lý) có một sân bay nhỏ được thiết lập trong thời kỳ chiến tranh vì nhu cầu quân sự, hiện nay còn có thể dùng cho các loại phi cơ thám sát và trực thăng.

x

x

x



III.- DIỆN ĐỊA.

- Tổng số diện tích điền địa trong tỉnh là 26.748ha3325, gồm có :
  - 1.491 ha 0254 công điền
  - 477 ha 4923 công thổ
  - 19.059 ha 9855 tư điền
  - 5.719 ha 8293 tư thổ
- Số diện tích hiện còn bỏ hoang là 2.709 ha 3279, gồm có :
  - 178 ha 6596 công điền
  - 163 ha 6729 công thổ
  - 2.203 ha 4723 tư điền
  - 163 ha 5231 tư thổ
- Số diện tích hiện đang canh tác là 24.039 ha 0046, gồm có :
  - 1.312 ha 3658 công điền
  - 313 ha 8194 công thổ
  - 16.856 ha 5123 tư điền
  - 5.556 ha 3062 tư thổ
- Năm 1957, diện tích điền địa canh tác chỉ có : 20.884 ha 3806.
- Năm 1958, diện tích điền địa canh tác lên tới : 23.961 ha 0370.
- Năm 1957, khẩn hoang được 92 ha 9000.
- Năm 1958, khẩn hoang được 3.116 ha 6564.
- Trong ba tháng đầu năm 1959, khẩn hoang được 77 ha 9676.



#### IV.- SẢN VẬT.-

##### 1/ Nông sản :

- Ruộng lúa : Diện tích đang trồng trọt 18.168ha8790  
Sản lượng trung bình mùa lúa chính 34.000 tấn
- Cây kỹ nghệ : Diện tích đang trồng trọt chừng 60 ha;  
Sản lượng cuối mùa độ 25 tấn.
- Vườn rẫy : Diện tích đang trồng trọt : 5.810 ha  
Sản lượng cuối mùa độ : 5.000 tấn.

Tỷ số do người Việt khai thác là 91 o/o, số ruộng thuộc quyền nghiệp chủ của người Pháp chừng 9o/o.

##### 2/ Lâm sản :

Diện tích rừng cây trong tỉnh hiện có : 80.645 hectares rừng vĩnh viễn và 400.000 hectares rừng bảo vệ.

Trung bình mỗi tháng gần đây, số thuế khai thác lâm sản đã thu cho ngân sách quốc gia vào khoảng từ 30 đến 70 ngàn đồng.

Lâm sản ở Bình-thuận có nhiều loại như :

- |            |                                              |                        |
|------------|----------------------------------------------|------------------------|
| - gỗ       | : trung bình mỗi tháng đồng bào đã khai thác | : 3.000 m <sup>3</sup> |
| - tre      | : -nt-                                       | 25 stères              |
| - củi      | : -nt-                                       | 40 -                   |
| - dầu cát  | : -nt-                                       | 2.500 lít              |
| - vỏ sán:  | : -nt-                                       | 700 ký                 |
| - vỏ tràm  | : -nt-                                       | 300 -                  |
| - lá buông | : -nt-                                       | 50.000 tấn.            |



### 3/ Hải sản :

Trong tỉnh hiện có trên 20.000 ngư phủ chuyên nghiệp. Những vùng đánh cá và làm nước mắm rất phong phú nhất trong tỉnh là Phan-thiết, Mũi Né, Phan-rí-củ và thứ đến là Long-hương, Duông, Phú-hải.

Bình-thuận có tiếng là một tỉnh giàu cá và nước mắm, gồm đủ các loại theo từng mùa :

- Mành chà đánh cá nục và cá mòi từ tháng tư đến tháng 12 dương lịch.

- Câu bủa, câu khơi, lưới hai, lưới rùng, giã... đánh cá cam, cá thu, cá ngừ, cá rựa, cá nghéo, cá đở dạ, cá đồng, cá mòi, mực, ruốc, tôm hùm, và các loại cá tạp từ tháng 9 đến tháng 3 dương lịch.

Ngoài ra, quanh năm còn có nghề soi tôm, bắt cua, bắt sò hên, bắt ốc hương, vớt sứa v.v...

Tổng số thu hoạch trong năm 1956 độ 95.000 tấn cá; năm 1957 lên tới 121.000 tấn và năm 1958 vì nghề biển ở tỉnh này mất mùa nên số thu hoạch vào khoảng 80.000 tấn.

Con số thống kê trên đây của Ty Ngư Nghiệp chỉ dựa vào mức sản xuất và tiêu thụ có bằng chứng, chứ chưa đi sâu vào các sự thu hoạch lẻ tẻ; nếu kể cho khắp thì mức thu hoạch trung bình hàng năm về các loại hải sản có đến :

- 150.000 tấn cá (các loại) và



- 500 tấn hải sản phụ (như ruốc, mực, ốc, tôm, cua v.v...) 750/o các loại hải sản ở Bình-thuận đều được xuất Tỉnh - số còn lại tiêu thụ ở địa phương và cung cấp cho ngành chế bẽ nước mắm.

Trong tỉnh hiện có 196 thùng. lều nước mắm, đều là của người Việt, sản xuất hàng năm trung bình vào khoảng 20 triệu lít.

#### 4/ Khoáng sản :

- Tại Bình-thuận có nhiều vùng đất dẻo dùng làm gạch, ngói, tĩm... rất tốt; do đó mà ngành sản xuất các loại kể trên ngày càng được khuếch trương thêm nhiều. Hiện nay trong tỉnh đã có 30 lò gạch ngói và 9 lò tĩn, (đều của người Việt) lập tại Phan-thiết, Phan-lý-Chàm, Tuy-phong, Hàm-thuận và Hòa-đa, sản xuất trung bình mỗi tháng 600.000 viên gạch, 300.000 tấm ngói và 200.000 chiếc tĩm.

- Đặc biệt nhất là có suối nước nóng Vĩnh-hảo (đã trình bày rõ ở mục nói về thắng cảnh). Cũng tại vùng Vĩnh-hảo (quận Tuy-phong) nhờ hơi nước suối bốc lên hòa hợp với chất đất mà nơi đây đã kết tụ một lớp "cát lồi" trên mặt đất, bẽ dày từ 1 đến 3 ly, chiếm một diện tích chừng 50 mẫu trong phạm vi có suối nước.

Loại "cát lồi" này dùng để chế tạo xà phòng hoặc gội đầu rất tốt. Dân cư xã Vĩnh-hòa thường đến lấy "cát lồi" bán cho một số chủ xưởng xà phòng ở Saigon ra mua tại chỗ, hoặc bán cho các gánh hàng xén trong tỉnh để họ cho vào gói, trưng bán lại cho giới phụ nữ dùng để



giặt gya hoặc gội đầu. Giá bán tại chỗ cứ mỗi ký là 1 đồng. Trong những ngày rỗi công việc đồng áng hoặc ngư nghiệp, đồng bào trong xã có thể kiếm được từ 40 đến 60 đồng (bán cát lồi) đổi với hạng người lớn và từ 15 đến 30 đồng đổi với hạng trẻ em - Đây là một loại thiên nhiên vô tận.

Ngoài ra, tại ấp Bong phước thuộc xã Bình-long (quận Tuy-phong) còn có mỏ "đá quánh". Dân chúng địa phương thường đào lấy, xén ra từng tấm cỡ 6 tấc x 4 tấc để dùng vào công cuộc xây tường, xây đê, xây móng rất tốt, hoặc bán ra ngoài xã với giá 4 đồng 1 tấm, tính trung bình mỗi năm có thể khai thác được trên 25.000 tấm.

Chính mỏ đá quánh này hiện nay đã giúp ích rất nhiều cho công cuộc kiên thiết trong xã và trong quận; do đó, dân chúng địa phương đang nỗ lực khai thác thêm cho được nhiều (con số có thể tăng gấp đôi) để cung ứng cho nhu cầu cần thiết.

x      x  
x      x

#### V.- CONG KỸ NGHE.-

1/ Về kỹ nghệ : Trong Tỉnh hiện có :

- 3 nhà máy phát điện : 1 của Pháp kiều lập tại Phan-thiết, 1 của người Việt lập tại Phanrí và 1 của người Nùng lập tại Sông Mao.



Nhà máy phát điện của Công-ty người Pháp (U.N.E. D.I.) lập tại Phan-thiết điện lực rất yếu, không đủ cung cấp cho nhu cầu của nhân dân trong Châu thành.

Mức nhu cầu : 150.000 kw/h

Mức sản xuất : 70.000 kw/h và 30 tấn nước đá mỗi tháng. Nhà máy này thu dụng 24 nhân công người Việt.

- 1 xưởng làm cá hộp lấy tên "Liên Tự" của Công ty U.S. T.N.G. do sự hợp vốn của Hoa kiều và người Việt, lập tại Phan-thiết - - hiện nay thu dụng gần 100 công nhân (trong số đó có 50 nữ nhân công giúp việc theo lời mượn khoán và chỉ đến khi xưởng cần đến) - sản xuất trung bình mỗi tháng 70.000 hộp cá.

- Chín nhà máy sản xuất nước đá của người Việt, lập tại Phan-thiết và Sông mao - mỗi xưởng có từ 4 đến 6 nhân công - tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng 400 tấn.

- Hai nhà máy xay lúa (cỗ lớn) lập tại Phan-thiết và 33 nhà máy xay lúa(cỗ nhỏ) lập tại các Quận, đều là của người Việt - mỗi xưởng có từ hai đến 10 nhân công, tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng vào khoảng 200 tấn gạo.

- Chín xưởng của máy của người Việt lập tại Phan-thiết và sông Mao (quận Hải-ninh) - mỗi xưởng có từ 6 đến 10 nhân công - trung bình mỗi tháng của được tất cả chừng 800 thước khối gỗ.

- 2 nhà máy in chữ của người Việt lập tại Phan-thiết (không kể một nhà in vừa nghỉ hoạt động) - mỗi xưởng có từ 3 đến 5 nhân công, có mỗi hàng thường xuyên.



- 20 xưởng dệt (máy) lập tại Phan-thiết, Phan-ri-cửa và sông Mao đều là của người Việt - mỗi xưởng có từ 5 đến 14 nhân công - Tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng vào khoảng 2.000 thước xá-xị, 1.000 thước lụa, 1.000 thước cẩm nhung, 1.500 cây vải.....
- 1 nhà máy chế biến nước ngọt giải khát của Hoa-kieu lập tại Phan-thiết, thu dụng 4 nhân công - mức sản xuất trung bình mỗi tháng 10.000 chai nước.
- Một nhà máy chế biến "Kem" của người Việt lập tại Lương-sơn (Hòa-đa) thu dụng 6 nhân công - mức sản xuất trung bình một tháng 900 kilo kem.
- 8 cây xăng (sheel) của người Việt và Hoa kiều, dựng tại Phan-thiết và sông Mao, tổng số xăng bán ra trung bình mỗi ngày vào khoảng 7.000 lít.
- Sở khai thác nước suối Vĩnh-hảo (quận Tuy-phong) do sự hợp vốn của Chính phủ và các tư nhân ở Saigon, đang ở thời kỳ xây dựng các cơ cấu kỹ-thuật - thu dụng 12 nhân công giúp việc tại sở - hiện nay mức sản xuất trung bình mỗi tháng vào khoảng 70.000 chai nước suối.

x

x

x

2/ Về công nghệ : Trong tỉnh hiện có :

- 196 thùng lêu nước mắm lập tại Phan-thiết, Mũi Né, Phan-ri-cửa, Long-hương, Duông và Phú-hải đều của người Việt - mỗi thùng lêu thu dụng từ 3 đến 12 nhân công



thường trực và từ 6 đến 20 nhân công phụ - Tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng trên 1.500.000 lít nước mắm các hạng.

- 2 lò đường tán của người Việt lập tại quận Hàm-thuận, mức sản xuất trung bình mỗi tháng (có nhiều mía) vào khoảng 9.000 ký.

- 5 lò bánh mỳ (1 của Hoa kiều và 4 của người Việt), lập Phan thiết và Hòa đa - mức sản xuất hàng ngày đủ cung cấp cho nhu cầu địa phương.

- 50 khung dệt đệm buồm của người Việt, lập tại Phước-thiện xuân, An hải (quận Hải-Long) và Lại-an (quận Hàm-thuận) tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng 5.000 cuộn (mỗi cuộn 6m x 10 m 50).

- 30 lò gạch ngói của người Việt lập tại Phan-thiết, Phan-lý-Chàm, Tuy-phong, Hàm-thuận và Hòa-đa - mỗi lò thu dụng từ 5 đến 15 nhân công - tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng 600.000 viên gạch và 300.000 tấn ngói.

- 9 lò tinn (đựng nước mắm) của người Việt lập tại Phan-thiết và Phú-lâm (quận Hàm-thuận) - mỗi lò có từ 5 đến 10 nhân công - Tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng vào khoảng 200.000 chiếc tinn.

- 11 lò vôi của người Việt lập tại Hàm-thuận, Hòa-đa và Tuy-phong - mỗi lò thu dụng từ 3 đến 5 nhân công - tổng số sản xuất trung bình mỗi tháng vào khoảng 14 tấn.



## VI.- DIEM NGHIEP

Trong tỉnh hiện có 3 đồng muối :

- I. - Đồng muối Trinh tường (quận Hàm-thuận) rộng 571.972 M<sup>2</sup> (của 94 chủ diêm điền người Việt) trong vòng 3 năm nay, mức sản xuất trung bình mỗi năm vào khoảng 3.500 tấn.
- 2.- Đồng muối Phú-hải (quận Hàm thuận) rộng 438.704m<sup>2</sup> (của 63 chủ diêm điền người Việt) trong vòng 3 năm nay, mức sản xuất trung bình mỗi năm vào khoảng 2.500 tấn.
- 3.- Đồng muối Duồng (quận Hòa-đa) rộng 341.582 m<sup>2</sup> (của 85 xã viên hợp tác xã Diêm nghiệp) - trong vòng 3 năm nay, mức sản xuất trung bình mỗi năm vào khoảng 4.500 tấn.

## VII.- CHAN NUOI :

Theo sự thông kê của cơ quan chuyên trách thi đầu năm 1958, tổng số gia súc và gia cầm trong tỉnh có chừng :

- 9.500 heo
- 1.700 dê
- 100 ngựa
- 50.000 gà vịt
- 2.000 bồ câu
- 10.230 trâu
- 7.200 bò



Những trâu bò già đã lần lượt được thay thế bằng trâu bò tơ.

- Bò cày (giống đực) gốc ở Phú-yên nhập tỉnh, hạng tuổi từ 3 đến 5, mập mạnh, rất thích hợp cho việc cày bừa ở đây, được nông dân địa phương mua khá nhiều để tăng gia canh tác.
- Bò cái và bò con lai giống Sind hoặc Ongoi cũng được nhiều nhà chăn nuôi mua, vì loại bò này sinh sản rất bảo đảm.

Hiện nay, số trâu bò tăng trội 400/o kể cả số trâu thuộc tặng phẩm của Ngô Tổng Thống cấp cho đồng bào Thượng định cư tại Sông trao, Gia lệ và số trâu do Chính phủ bán cho nông dân địa phương theo lời trả góp.

Việc nuôi heo thịt đang phát triển mạnh - so với con số thống kê kỳ đầu năm 1958, hiện nay số heo trong tỉnh tăng trội 600/o, và giá bán heo tại đây không cao so với giá heo ở các tỉnh Nam phần.

Về gia cầm, vì khí hậu ở đây thường viêm nhiệt, gió bụi khó chịu và thức ăn ở vườn tược thiếu thốn nên việc chăn nuôi gà vịt kém phát đạt - về mùa nắng, gà hay chết toi, mặc dù cơ quan khuyến nông có tổ chức được vài cơ sở nuôi gà giống ngoại quốc (chúng 2.000 con) nhưng chưa gây được ý thức mạnh mẽ dân chúng về cách thức nuôi gà theo khoa học.

Nhiều người thấy rõ lợi ích về chăn nuôi nhưng lại thiếu điều kiện như địa điểm thuận tiện và vốn nên



không khuếch trương được - Những gia đình nông dân ở những nơi thuận tiện về chăn nuôi cũng thiếu vốn để thực hiện sinh kế chuyên nghiệp ấy.

#### VIII.- NHAN CONG :

Ở tỉnh Bình-thuận, phần đông dân chúng địa phương đều có nghề sinh sống : làm nông, đánh cá, đốn củi, đốt than, làm nước mắm, làm gỗ, làm thợ, buôn bán.. làm ăn tự túc cả.

Tại các xưởng cửa, xưởng thợ mộc, xưởng đóng ghe thuyền, lò gạch ngói, tiệm ăn, tiệm hớt tóc, nghề mảnh lưới... thường có những nhân công từ các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú vào giúp việc.

Số người nghèo từ các tỉnh nói trên vào đây làm ăn từng mùa, từng năm hay từng thời gian ngắn không phải ít. Nếu kể cả các phụ nữ, các trẻ em vào ở thuê thì con số nhân công lưu động này có tới 5, 7 nghìn người, ngoài những nhân công gốc ở trong tỉnh.

Tuy Bình-thuận không phải là một tỉnh có nhiều xí nghiệp thu hút nhiều nhân công, nhưng nơi đây ngư nghiệp, nông nghiệp, nghề làm nước mắm, nghề xẻ cá phơi khô và các tiểu công nghệ đều là những nghề gốc của dân chúng, nhiều người có sẵn nghề trong tay, nhiều trẻ em con nhà nghèo cũng thường có việc làm nên vấn đề tuyển mộ nhân công đi ngoài tỉnh rất khan hiếm.



Hiện nay, nhân công tại đây đã có một đời sống dễ thở hơn trước nhờ chính sách thăng tiến cần lao và nhờ sự áp dụng luật lao động; thêm vào đó chủ trương khuếch trương kinh tế, cải tiến dân sinh đã đem lại cho dân chúng nhất là cho giới cần lao có lợi ích thiết thực.

Về lương hướng thi :

- Nhân công chuyên nghiệp nước mắm : được hưởng lương tháng 1.800\$ (nếu độc thân) - 1.650\$ cộng với phụ cấp gia đình (nếu có vợ con) nhưng mức tối thiểu không dưới 1.800\$00.

- Nhân công tập sự làm nước mắm : hạng này thuộc vào loại lương công nhật 60\$ - làm ngày nào hưởng lương ngày đó.

- Nhân công pha trét và ràng tĩn nước mắm (đa số là phụ nữ và trẻ em) : Hạng này thuộc vào loại làm khoán - có ngày một người làm được 80\$ và có ngày không hoạt động vì chưa tới lúc các thùng lêu cần đến.

- Nhân công chuyên nghiệp làm cá hộp : được hưởng lương tháng từ 2.500\$ đến 3.500\$ cộng với phụ cấp gia đình.

- Nhân công phụ làm cá hộp : (đa số là phụ nữ thiếu nữ) được hưởng lương công nhật từ 45\$ đến 60\$.

- Nhân công cắt cá, mổ cá nơi xưởng cá hộp (đa số là phụ nữ) : hạng này thuộc vào loại làm khoán - c



ngày mỗi người làm được 60\$ hay 70\$, có ngày chỉ được chừng 40\$, 50\$ và có ngày chủ xưởng không cần đến.

- Thợ dệt chuyên nghiệp (không phải chủ xưởng): trung bình hàng tháng từ 2.000 đến 3.500\$.

- Thợ dệt phụ : trung bình hàng tháng từ 1.200 đến 1.500\$00.

- Thợ may chuyên nghiệp (không phải chủ tiệm) trung bình hàng tháng từ 3.000\$ đến 4.000\$00.

- Thợ may phụ : trung bình hàng ngày từ 30\$ đến 50\$.

- Thợ hót tóc đứng tiệm : trung bình hàng ngày từ 80\$ đến 120\$00.

- Thợ hót rong : trung bình hàng ngày từ 30\$ đến 70\$00.

- Thợ<sup>cửa</sup>/chuyên nghiệp : Lương tháng trung bình từ 2.500\$ đến 4.000\$00.

- Thợ cửa phụ : trung bình hàng ngày từ 40\$ đến 60\$.

- Thợ mộc lành nghề : trung bình hàng ngày từ 40\$ đến 60\$00.

- Thợ đóng thuyền : (hạng lành nghề) trung bình ngày nào cũng có làm được từ 120\$ đến 150\$00.



- Thợ mộc phụ : trung bình hàng ngày từ 40\$ đến 60\$.

- Thợ phụ đóng thuyền : trung bình ngày nào có làm được từ 80\$ đến 100\$.

- Thợ nề : trung bình ngày nào có làm được từ 80\$ đến 120\$.

- Nhân công các lò gạch ngói : trung bình ngày nào có làm được từ 40\$ đến 60\$.

- Nhân công các lò t<sub>in</sub> : (đa số là phụ nữ; trẻ em trên 14 tuổi) : trung bình ngày nào có làm được từ 30\$ đến 60\$ - Phần đông đều lãnh làm khoán và làm trong những giờ rảnh việc đồng áng hay việc gia đình.

- Nhân công các nhà máy xay lúa : phần đông đều làm khoán theo l<sub>oi</sub> ăn chia - Lúc này vì sự phát triển máy xay quá nhu cầu và vì tình trạng cạnh tranh nên tiền công xay mỗi tạ gạo từ 2\$50 nay sụt còn 0\$50 (mỗi tạ có 10 kí), do đó mỗi nhân công ngày nào có làm chỉ có thể kiếm được chừng 30, 40\$00.

#### IX.- TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÀNH CÔNG, KỸ NGHỆ :

Hiện nay có những điểm đáng lưu ý :

- một vài nhà máy xay lúa (cổ nhỏ) ngưng hoạt động vì lý do nói trên.

- Nghề làm muối trong mấy tháng gần đây sản xuất rất dồi dào nhưng thiếu thị trường tiêu thụ - Tại



đồng muối Duồng (Hòa Đa) hiện còn ứ đọng trên 1.000 tấn.

- Ngành dệt không phát đạt nổi vì sản phẩm không cạnh tranh nổi với hàng hóa ngoại quốc.

- Mức sản xuất nước mắm trong mấy năm gần đây vẫn bình thường nhưng thị trường tiêu thụ có phần kém. Một số tiểu hàn hộ không cạnh tranh nổi các đại hàn hộ.

- Mức sản xuất lúa được tăng gia. Sự tiêu thụ được điều hòa từ nửa năm 1957 đến nay.

- Các thổ sản khác : tiêu thụ kém nhất là hạt dưa và bông vải.

- Mía : tiêu thụ mạnh vì số cầu nhiều hơn số cung.

- Cá (ướp đá) tiêu thụ kém vì có nhiều sự cạnh tranh nên sụt giá hơn các năm trước.

- Cá khô tiêu thụ mạnh.

- Nước suối Vĩnh Hảo : tiêu thụ còn kém, chưa được thông dụng mấy, giá bán còn đắt đỏ, mỗi chai nhỏ (01250) có pha chất ngọt bán đến năm, sáu đồng.

Về phương diện kỹ thuật, ngành sản xuất này chưa tiên bộ mấy, Một phần còn làm theo lối "thủ công" như súc chai, rửa chai, cho nước vào chai... thành thử chậm chạp và tốn kém.



Riêng có ngành thợ mộc, thợ cửa, thợ nề, làm vôi, gạch, ngói đang có cơ phát đạt vì nhờ công cuộc kiến thiết công cũng như tư đang xúc tiến mạnh.

- Nghề may và nghề hớt tóc cũng đắt hàng do sự đua chen tranh sức của đa số đông bào.

#### X.- TIẾP TÊ VÀ THƯƠNG MẠI :

Các phẩm vật tiếp tê vào tỉnh được đầy đủ - trong vài năm gần đây, Bộ Kinh tê đã điều hòa vận đề này; tính trung bình hàng tháng, tỉnh Bình Thuận đã được tiếp tê khoảng 2.000 tấn gạo, 200 tấn tâm, 400 tấn lúa, 90 tấn đường cát... thỏa mãn được nhu cầu địa phương.

Về thương mại, các loại hàng hóa và thực phẩm thừa thãi trên thị trường nhưng về mỗi lực của dân chúng địa phương có phần sút kém vì đa số ít mua dùng những loại hàng đắt giá và các loại xa xỉ phẩm. (ngoại trừ dịp Tết).

Thị trường ngũ cốc cung ứng đủ cho nhu cầu dân chúng, không có loại nào khan hiếm, giá cả được ổn định - Riêng giá gạo tiêu thụ ở địa phương có phần hạ hơn giá cả ổn định.

#### XL.- CÁC VẤN ĐỀ LIÊN HỆ VỀ KINH TÊ :

Ngành chuyên chở trong tỉnh ngày được cải



tiên, số xe tự động đã lẫn hồi thay thế cho những xe ngựa, xe bò cũ kỹ; sự đi lại của đồng bào cũng như sự vận chuyển hàng hóa được thêm phần thuận lợi, nên kinh tế cũng do đó mà tiến triển.

Trong tỉnh hiện có 121 xe hành khách và du lịch, 21 xe vận tải, 42 xe ba bánh tự động.

Các nghiệp đoàn đã được chấn chỉnh và hoạt động tích cực vừa nhằm bệnh vực quyền lợi chính đáng cho giới cần lao vừa nhằm góp phần vào công cuộc chấn hưng nền kinh tế trong tỉnh.

Các hợp tác xã : ngoại trừ <sup>tác</sup> hợp/xã Ngư Nghiệp đã được vay tiền của Chính Phủ để khuếch trương nghề nghiệp, các Hợp tác xã khác đang còn ở trong thời kỳ phôi thai và thiếu vốn nên chưa hoạt động hữu hiệu.

Hiệp hội nông dân : phong trào thành lập Hiệp hội nông dân đã được phát động từ đầu tháng 4/59 - đến nay đã xây dựng xong các cơ sở từ Chi hội đến Hiệp hội cấp quận trong toàn quận thí điểm Hàm thuận gồm 19 xã, 72 ấp. Số hội viên hiện có trên 4.000 người nhưng về tiền vốn (cổ phần)hãy còn kém.

Trên thực tế, mới xây dựng thành hình chứ Hiệp hội Nông dân tại đây chưa hoạt động có thành tích đáng kể theo các mục đích và nhiệm vụ trong quy chế H.H.N.D.

Về kiều lộ : trong tỉnh hiện có những khoảng đường hư chưa được trùng tu :



- Tỉnh lộ Phanhiết - Mũi Né, từ cây số 20 đến cây số 23 giao thông trở ngại vì cát lún.
- Liên tỉnh lộ số 8 (Phanhiết - Dilinh) từ cây số 16 + 650 đến cây số 31 + 500, mặt đường lở và có 3 chiếc cầu hư hỏng nên không thể giao thông được.
- Các con đường khác (nơi mục II-a : nói về giao thông đường bộ) đã được trùng tu đem lại sự giao thông dễ dàng.
- Các cầu công trên quốc lộ số 1, mặc dù đa số có tính cách tạm và bán vĩnh viễn nhưng hãy còn dùng được; ngoại trừ cầu Phanhiết và cầu Ông Nhiều, tình trạng hư tệ rất có thể làm gián đoạn sự giao thông - Tòa Tỉnh Trưởng Bình Thuận, đã trình lên Trung Ương xin ngân khoản sửa chữa nhưng chưa được duyệt y.

Thủ công nghệ (bổ túc mục V-a và b nói về công kỹ nghệ) :

Tại Châu thành Phan thiết cũng như tại các Quận đều có những người làm nghề thợ nhuộm, thợ rèn, thợ mộc, thợ bạc, thợ hàn, đan thúng giỏ, đóng cối xay, đóng bàn ghê, đóng ghe thuyền.

Thủ công nghệ có tính cách địa phương là nghề đan vỏ, đánh nhợ, đan lưới, se dây, chằm lá, làm chiếu. Ở Hải đảo Phú Quý có nghề làm vông, dệt vải "Khún" theo lối cổ truyền (thường gọi là vải hòn).



PHẦN THỨ NAM

VĂN HÓA XÃ HỘI

I.- CÁC TRƯỜNG HỌC.

Có thể nói, từ năm 1955 trở về trước, mức độ văn hóa của nhân dân Bình thuận thấp kém hơn các tỉnh trung châu và duyên hải trong toàn quốc.

Nho học và tây học thời trước, tỉnh này cũng ít người khoa cử. Tuy nhiên, các phong trào ái quốc như Cần Vương, Văn Thân... cũng đã lôi cuốn được một số nhân sĩ địa phương tham gia hoạt động.

Câu ca dao xưa của người dân Bình thuận "Văn chương không bằng xương cá mòi" ít còn thấy nhắc lại kể từ khi Ngô Chí sĩ nhậm chức Tuần vũ tỉnh này, và cũng kể từ đó, những nhà khá giả ở đây mới sốt sắng cho con cái đi học ở các trường Trung, Đại học.

Cho đến khi Phong trào Cách mạng Quốc gia công khai, nhân dân Bình thuận tỏ ra nhiệt liệt hưởng ứng. Văn học, nghệ thuật ở đây nhờ đó mà có cơ tiến triển.

Hiện nay, trong tỉnh tuy chưa có trường Đại Học và Trung học chuyên khoa, nhưng ngành giáo dục từ Trung học phổ thông đến sơ học, Bình dân đã được mở ra mang rất nhiều.

Dưới thời Pháp thuộc, tỉnh Bình thuận chỉ có vài trường Tiểu học Pháp Việt, độ 10 trường Sơ học yếu



lược và 40 hương trường (1 lớp), thu nạp tất cả vào khoảng 2.600 học sinh và 4 trường tư thực bậc sơ học có độ 490 học sinh.

Số đông bào mù chữ lúc bấy giờ có tới 850/o. Đến niên khóa 1.955-1.956 tỉnh Bình-thuận đã có một trường Trung học công lập lấy tên là trường Phan-bội-Châu (tại Phan Thiết), được 10 lớp, 14 giáo sư và 500 học sinh.

Với 3 trường trung học tư thực là Bô-Đê, Tiên Đức và Bạch Vân (tại Phan Thiết) và 1 trường ở Hòa Đa. Tất cả các trường học trung học tư thực kể trên có độ 700 học sinh.

Về bậc tiểu học thì số trường công có cả lớp nhất và lớp nhì là 16, trong đó có 1 trường Chăm - Số trường công có từ lớp ba trở xuống là 15, trong đó có 4 trường Chăm; tổng số lớp là 133 tổng số học sinh là 5.668.

Số trường tư thực bậc tiểu học có 5 trường, thu nạp 1.619 học sinh.

Về Bình dân giáo dục : có 54 lớp với số học viên là 2.476 người.

Cuối năm 1955, số người mù chữ trong tỉnh còn độ 600/o.

Đến niên khóa 1.958-1959, ngành giáo dục tỉnh Bình -thuận được mở mang thêm nhiều, theo bảng kê dưới đây :

...../57



Bậc trung học có 6 trường

- Trường công lập Phan bội Châu có 19 lớp (17 lớp Trung học đệ nhất cấp và 2 lớp đệ tam, thu nạp 979 học sinh.
- Bốn trường tư thực là Bồ Đề, Tiên đức, Bạch Vân, Ngô Đình Khôi và 1 trường bán công Phan-trí-của, có tất cả 26 lớp, thu nạp 1.207 học sinh.

Bậc tiểu học có 139 trường

- 65 trường công lập có 245 lớp học, thu nạp trên 11.000 học sinh.
- 74 trường tư thực có 236 lớp, thu nạp trên 5.000 học sinh.

Bình dân giáo dục

Mở liên tiếp khắp các ấp trong tỉnh. Trung bình mỗi khóa (từ 4 đến 6 tháng) có tới 370 lớp, thu nạp độ 9.000 học viên.

Hiện nay, trong toàn tỉnh chỉ còn độ 25.000 đồng bào Kinh và gốc Chăm từ 13 đến 50 tuổi chưa biết đọc biết viết Việt ngữ. Tỷ lệ 150/o dân số.

Còn đồng bào Nùng và đồng bào Thượng thì đa số còn mù chữ Việt (đồng bào Nùng nói tiếng Tàu và có chừng 1/3 biết đọc và viết Hán tự).



Chính quyền đang mở các lớp Bình dân Giáo dục tại các làng Thượng tập trung và đã vạch kế hoạch cho Quận Hải Ninh hướng dẫn đồng bào Nùng học tiếng Việt.

Ngoài ra, các phương pháp Việt Nam hóa đồng bào Thượng cũng như đồng bào Nùng đang được bắt đầu thực hiện (đổi họ người Thượng theo người Kinh, đồng hóa cách phục sức v.v....)

## II.- THỔ AM.

Ngôn ngữ chính trong tỉnh vẫn là tiếng Việt, tuy giọng nói Bắc, Trung, Nam có khác nhau nhưng vẫn hiểu được dễ dàng.

Người Chăm có tiếng nói và văn tự riêng của họ, nhưng đại đa số biết nói thạo tiếng Việt. Người Raglai (Thượng du lai Chăm) cũng nói tiếng Chăm và cũng biết tiếng Việt, nhưng chỉ nói được những tiếng thông thường.

Cuộc di cư từ Bắc vào Nam đã đưa đến Bình thuận một số trên 50.000 người Nùng nguyên quán các tỉnh Thượng Du Bắc Việt. Tuy họ thuộc quốc tịch Việt Nam nhưng họ nói tiếng Nùng như tiếng Trung Hoa. Độ một nửa nói được cả tiếng Việt.

## III.- KHUYNH HƯỚNG CỦA CÁC THÂN HÀO, NHÂN SĨ.

Đa số rất tôn sùng nho giáo; thích đàm luận về nhân tình thái thế.



Tại Tỉnh lỵ Phan thiết có một nhóm thi sĩ lão thành, lấy tên là "Liên Thành Thi Xã". Các Cụ tỏ ra hài lòng khi thấy Ngô Tổng Thông chủ trương phát huy đạo lý cổ truyền, duy trì thuần phong mỹ tục.

Mặt khác, các Cụ vốn đã ngưỡng mộ Ngô Chí sĩ từ lâu. Gương đức độ, liêm khiết của Ngài trong thời kỳ Ngài làm Tuần vũ tỉnh này được các giới đồng bào địa phương nhất là các thân hào nhân sĩ ca tụng mãi mãi.

Vì vậy, các Cụ rất mừng khi thấy Ngô Chí Sĩ đứng ra lãnh đạo Quốc gia và rất tin tưởng vào Chính phủ đương kim.

Tuy ý thức dân chủ của các Cụ chưa được mạnh nhưng khuynh hướng tôn quân của các Cụ đã nguôi lạnh, do sự nhận định về trào lưu, thời thế của các Cụ cũng khá tiên bộ.

Nhìn chung, đa số thân hào nhân sĩ trong tỉnh Bình Thuận biết tùy thời hơn là xu thời.

### Y TẾ, XÃ HỘI.

#### I.- Y TẾ.

Các cơ sở Y tế công cộng đã thiết lập trong tỉnh gồm có :

- 1 bệnh viện được xếp hạng nhì trong toàn quốc có hộ sinh viện và 2 chấn y viện tại tỉnh lỵ Phan thiết.



- 6 Bệnh xá có hộ sinh và chấn y viện tại các quận lý (trừ quận Hải đảo Phú Quý).
- 7 nhà hộ sinh có chấn y viện và 14 chấn y viện tại các liên xã.

Vệ y tế hương thôn đã có :

- 2 thí điểm quận.
- 82 trạm cứu thương và 12 phòng Y tế hương thôn.

Vệ nhân viên chuyên môn, ngành y tế trong tỉnh có tất cả 103 người, kể cả Bác sĩ Quản đốc Bệnh Viện.

Hoạt động trung bình mỗi tháng :

- |             |   |               |
|-------------|---|---------------|
| - Khám bệnh | : | 15.000 người  |
| - Điều trị  | : | 500 bệnh nhân |
| - Hộ sản    | : | 200 sản phụ   |

Và trung bình mỗi năm :

- Bơm thuốc D.D.T một lần khắp các công sở, tư gia, làng mạc.
- Mở một chiến dịch chủng đậu, tiêm thuốc ngừa dịch tả.

Đó là chưa kể các hoạt động thường xuyên của ngành y tế hương thôn và các tổ chức y tế<sup>tư</sup> trong tỉnh.



## II.- TỔ CHỨC XÃ HỘI.

### 1/ Các hội Cứu tế, phước thiện :

Trong tỉnh có :

- Tỉnh hội Phước Thiện Bảo sanh lấy tên "Nguyễn Trãi" đặt trụ sở thường trực tại Phan thiết. Cơ quan này đã thiết lập 2 nhà bảo sanh miễn phí : một tại ấp Lạc Đạo (Phan Thiết) và một tại xã Phan rí Cửa (Hòa Đa) để giúp những sản phụ nghèo.

Công tác được thực hiện chu đáo, có lương tâm nghề nghiệp. Trung bình mỗi tháng cả hai cơ sở Phước Thiện nói trên đỡ đẻ và chăm sóc 70 sản phụ, hầu hết đều được lành mạnh.

Tại Phan rí Cửa, số sản phụ đến xin nằm ngày càng tăng nên Tỉnh Hội bảo sanh, với sự chung sức của đồng bào địa phương trong khuôn khổ cộng đồng phát triển, đã xây cất thêm 2 phòng nữa, gồm 17 giường với đầy đủ tiện nghi.

- Trại Tê Bần do chính quyền thiết lập tại ấp Đức Long (Phan Thiết) hiện đang cấp dưỡng 16 hành khất và bắt đầu thực hiện công tác hướng nghiệp cho những đồng bào ấy.

- Quán cơm xã hội và Thư Viện bình dân do chính quyền thiết lập tại khu vực gần Chợ Phan Thiết đã hoàn thành - Có 100 chỗ ngồi ăn và 50 chỗ ngồi đọc sách.



- Hội Chấn Tế Công giáo đặt trụ sở tại Chợ Lầu (Hòa Đa) đã giúp đỡ một phần phương tiện cần thiết cho các Ban xã hội quận, xã hoạt động như : cấp phát quần áo, bột bắp, gạo, bánh mì, sữa bột... cho đồng bào nghèo trong tỉnh (do Viện trợ Công giáo Mỹ tặng).

- Hội Y Dược Việt Nam đã thành lập Tỉnh Hội và các Phân Hội thỉnh thoảng có phát thuốc Nam, kê toa cho một số đồng bào nghèo. Hoạt động không được tích cực lắm.

- Hội Phước Thiện của Tịnh Độ Cư Sĩ Việt Nam đã tổ chức tại Phan Thiết một phòng phát thuốc và chữa bệnh công cộng. Hoạt động thường xuyên và tích cực.

Ngoài ra, trong tỉnh đã thành lập xong các Ủy Ban Xã hội các cấp, tiếp tay đắc lực với chính quyền trong mọi công tác cứu tế xã hội.

## 2/ Các tổ chức thanh niên :

|                                 |          |           |
|---------------------------------|----------|-----------|
| - Thanh niên Cách Mạng Quốc Gia | : 42.110 | đoàn viên |
| - Thiêu niên cách Mạng Quốc Gia | : 8.824  | -         |
| - Thiêu niên Cộng Hòa           | : 1.876  | -         |
| - Thanh Niên Phật Tử            | : 1.145  | -         |
| - Hướng Đạo Sinh Việt Nam       | : 105    | -         |
| - Sân vận động                  | : 42     | -         |
| - Sân bóng rổ                   | : 5      | -         |
| - Sân bóng chuyền               | : 60     | -         |
| - Sân vũ cầu                    | : 9      | -         |
| - Sân quần vợt                  | : 2      | -         |
| - Câu Lạc Bộ Thanh Niên         | : 2      | -         |



Khu vực thể thao ủy hội đã được thành lập từ năm 1956 nhưng hoạt động không được tích cực thành thử Ty Thanh Niên đáng lẽ đặt nặng công tác chỉ đạo, giáo luyện thanh thiếu niên về trí, đức, thể dục hơn là trực tiếp lo liệu mọi việc tổ chức thể thao lại phải bao biện về phần này, nhẹ phần kia nên tựu trung cả hai mặt hình thức và nội dung đều không được tiến mạnh.

Về cơ sở thể thao đã có :

- 11 Hội <sup>dục</sup> Thể/Thể Thao đã hợp thức hóa.
- 42 đội bóng chuyên và bóng tròn, kể cả các câu thủ Chàm, Nùng và Thượng.
- 5 đội bóng rổ, trong số có 1 đội nữ.
- 30 Hiệu đoàn học sinh Tiểu học đã có 50 đội vũ cầu.
- 6 Hiệu đoàn học sinh Trung học đã có 15 đội vũ cầu.
- 1 Hội quần vợt đã hợp thức hóa gồm 15 hội viên chuyên môn.

Nhìn chung, phong trào thanh niên thể dục thể thao đã lan rộng khắp tỉnh, tuy hoạt động chưa có nề nếp thường xuyên nhưng cũng đã gây được ít nhiều phấn khởi trong hàng ngũ thanh niên và gây vui nhộn tại địa phương.

Các đoàn Công Dân Vụ hoạt động tại các quận, xã đã tổ ra tích cực, phụ trách thường xuyên về công tác thực hiện chương trình phát triển cộng đồng, đã giúp đắc lực cho cơ quan hành chánh địa phương thu nhiều kết quả tốt đẹp trong việc kiên thiết hương thôn, xây dựng làng mạc.



### III.- CÁC NGHIỆP ĐOÀN.

Tại Tỉnh lỵ Phan thiết có một văn phòng Đại diện Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam (đã hợp pháp hóa), một văn phòng đại diện Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam (chưa hợp pháp hóa) và một phòng thường trực đại diện Lao Công cấp tỉnh tại quận lỵ Hải Long.

Với các nghiệp đoàn kê sau :

- Nghiệp đoàn hàm hộ thuộc Tổng Đoàn công, kỹ nghệ.
- Nghiệp đoàn công nhân nước mắm.
- Nghiệp đoàn vận tải (xe hơi)
- Nghiệp đoàn dân cấy.
- Nghiệp đoàn xích lô đạp.
- Nghiệp đoàn xe nước.
- Nghiệp đoàn xuống nước;
- Nghiệp đoàn xe ngựa.
- Nghiệp đoàn hút tóc.
- Nghiệp đoàn thợ may.
- Nghiệp đoàn thợ hồ.
- Nghiệp đoàn thợ mộc.
- Nghiệp đoàn thợ dệt.
- Nghiệp đoàn thợ cửa.
- Nghiệp đoàn thanh, thiếu nữ lao công.
- Nghiệp đoàn lao công ngư nghiệp.

Trong số, mới chỉ có 7 nghiệp đoàn (hàm hộ, vận tải, xích lô, xe nước, xuống nước, nước mắm và ngư nghiệp) được hợp pháp hóa.



Tuy nhiên tất cả các nghiệp đoàn vẫn được sự hướng dẫn hoạt động của 2 văn phòng đại diện TLĐLCVN và TLĐLĐVN trong vòng kỷ luật và trật tự nên chính quyền vẫn tỏ ra dễ dãi để cho họ sinh hoạt, không khát khe trong khuôn khổ nguyên tắc máy móc.

Được sự hướng dẫn khéo léo của Ty Thanh Tra Lao Động và An ninh Xã hội, các nghiệp đoàn đã được chỉnh đốn lại, hoạt động có nề nếp trong khuôn khổ bênh vực quyền lợi chính đáng cho giới cần lao, không vượt ngoài giới hạn thăng tiến cần lao và lao tư lương lợi.

#### IV.- TÍN NGƯỠNG. - PHONG TỤC - TẬP QUÁN :

1/ Phong tục của đồng bào Bình thuận không phức tạp như các tỉnh Bắc phần và miền Bắc Trung phần. Lễ nghi về quan, hôn, tang, tế đều giản dị.

Về tín ngưỡng thì đa số đồng bào địa phương sùng đạo Phật vẫn giữ được thuần phong mỹ tục cổ truyền, lấy gia đình làm căn bản và sự thờ cúng tổ tiên vẫn được coi là trọng.

Hiện nay Phật giáo rất thịnh hành ở đây, thứ đến là Thiên Chúa giáo. Đạo Thiên chúa có độ 15.000 tín đồ (người địa phương) và trên 15.000 tín đồ (người di cư đến).

Còn các Đạo khác như Cao Đài (chỉ có chừng 1.000 tín đồ), Thiên Tiên Thánh giáo đều không phát triển nổi.



Về tôn giáo, người Chăm có hai phái : phái Barama (chính gốc của dân tộc Chăm) không ăn thịt bò, khi người chết thì thiêu xác, phái Bà Ni (Musulman) không ăn thịt heo, người chết thì chôn. Họ trọng luân thường đạo lý, phong tục cổ truyền. Người Chăm vẫn còn theo chế độ mẫu hệ.

Độ 30o/o đồng bào Kinh trong tỉnh còn mê tín dị đoan, hay cúng bái "cô hồn", "các đấng", tin có ma quỷ, Thổ địa, Thổ thần; thờ Bà Hỏa, thờ Thánh Mẫu; ưa lên đồng, lên bóng, đốt vàng mã, bói, xin keo...

Đồng bào ngư nghiệp thì đặc biệt trọng vọng và tôn thờ "Cá Voi" đến mức tuyệt đối.

Đồng bào Thượng thì không có tôn giáo gì rõ rệt. Họ giống đồng bào gốc Chăm ở chỗ gò bó trong tin tưởng Thân quyền, hễ đau là cúng tế. Nhiều tập tục cổ hủ họ vẫn còn noi theo.

## 2/ Tâm tính :

Đa số nhân dân địa phương ít câu kỳ, khách sáo, ưa sống bình thản, thích ăn ngon hơn mặc đẹp. Nơi đây kinh tế dễ dàng nên phần đông ít có thủ đoạn cạnh tranh. Ở một vài nơi xa xôi và miền rừng núi như ở Đảo Phú Quý, ở quận Phan-ly-Chàm, tâm tính đồng bào còn chất phác hơn nhiều : hễ nói một là một, hai là hai, không trở tráo, lường gạt.

Đồng bào ở miền đồng ruộng, nhất là ở Châu thành và các thị trấn duyên hải trù mật, tính tình có



khác : Họ chung đụng với văn minh vật chất, thường giao thiệp với các hạng người, trình độ hiểu biết của họ được mở rộng hơn, mảnh khoé làm ăn, giao thiệp họ cũng nhiều nhưng tính tình căn bản của họ ít vì thế mà đổi thay.

Nói chung, tâm tính của đồng bào Bình Thuận không thâm độc, nham hiểm, nóng nảy nhưng ngay thẳng, ít xảo trá; trừ một số ít lưu manh, quỷ quyết bị Việt Cộng nhồi sọ hoặc vì lẽ này lẽ nọ tạo lên. Như trên đã trình bày, vì đời sống dễ dàng nên phần đông dân chúng tỉnh này ít thích cạnh tranh, kém sự cần cù nhẫn nại như nhân dân ở những nơi mà cuộc sống khó khăn (như ở Bắc phần và miền Bắc Trung Phần).

### 3/ Tín ngưỡng.

Làng nào cũng có đền thờ Thành Hoàng, Tiên Hiền, rải rác có miếu thờ Bà Hỏa, miếu thờ Bà "Cửu Thiên Huyền Nữ", am thờ "Thổ Địa", am "Mục đồng", am "Cô Hồn", am "Bà Chúa", chùa thờ "Quan Thánh"... - Các làng duyên hải đều có lăng thờ Ngư Ông, thờ "Cô".

Hàng năm, mỗi làng đều có lễ tế Thần, cúng thanh minh, nghênh sắc Thần, an vị các Tiên Hiền (gọi là xuân kỳ thu tế).

Khắp các làng duyên hải có lệ giỗ Ngư Ông và tảo mộ Ngư Ông. Ngoài ra, tại các am, các miếu đều có lệ cúng hàng năm, "êm quỷ, trừ tà".



Trong những dịp này, đa số dân chúng địa phương rất vui lòng góp tiền và góp công để tổ chức các cuộc cúng tế, hát xướng - các làng có ngân quỹ dồi dào thì phụ thêm để tổ chức linh đình, vật heo, bò đái dân, hát bộ hát "mộc" suốt một hai ngày đêm.

Đặc biệt các lễ cúng giỗ "Cá Ông" thì bất cứ lúc nào, đồng bào ngư nghiệp cũng tổ chức rất linh đình, dù tốn kém bao nhiêu cũng không tiếc.

Có những nhà giàu vung ra hàng 10 nghìn đồng hoặc hơn nữa để góp vào sự chi phí ấy - Mỗi ngư phủ nghèo cũng tình nguyện cúng ít nhất là từ 100\$ đến 500\$.

Có khi trong một năm mà Cá Ông "ly" (chết trôi vào bờ) đến hai, ba lần, thêm vào những kỳ cúng tế thường lệ, dân chúng dọc bờ biển đã phải đóng góp rất nhiều mà họ vẫn thích như vậy.

Kể ra, cũng là một sự phung phí quá đáng - Nếu tiết kiệm được những món tiền này dùng vào công cuộc kiến thiết hương thôn thì chỉ trong thời gian chừng 10 năm, xóm làng sẽ có đầy đủ tiện nghi như thành thị.



PHẦN THỨ SÁU

TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH

Địa lý chính trị, nhân văn :

Về phương diện hành chánh, Tỉnh lỵ Bình Thuận được đặt tại Châu thành Phan thiết.

Tòa Công Sứ cũ nay là Tòa Tỉnh Trưởng, do vị Tỉnh Trưởng điều khiển (quyền hạn và trách nhiệm được ấn định trong Dụ số 57-a ngày 24/10/1956 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa).

Hiện có 1 vị Phó Tỉnh trưởng phụ tá ông Tỉnh Trưởng.

Tòa Tỉnh Trưởng Bình Thuận gồm có : 1 văn phòng, 1 phòng thường trực Ủy ban An ninh, và các phòng Sự Vụ : Hành chánh, Tài chánh, Kinh tế, Quân vụ, Văn thư, do ông Chủ Sự hoặc Trưởng phòng phụ trách - Và Tỉnh đoàn Công dân vụ, Tỉnh đoàn cán bộ xây dựng cũng đặt bàn giấy trong phạm vi Tỉnh đường.

Các cơ quan khác ở Tỉnh lỵ Phan Thiết là :

a) Về chuyên môn :

- Tòa Hòa giải Rộng quyền
- Ty Công an
- Ty Cảnh sát



- Ty Tiểu Học Vụ
- Ty Thuê Vụ
- Ty Cải cách Điền địa
- Ty Ngư nghiệp
- Ty Ngân khố
- Ty Công quản
- Ty Công chánh
- Ty Địa chánh
- Ty Thuê quan
- Ty Y tế
- Ty Canh nông
- Ty Thủy lâm
- Ty Thú y
- Ty Khuyến nông
- Ty Thanh tra lao động
- Ty Thông tin
- Ty Thanh niên
- Ty Bưu điện
- Ty Khí Tượng
- Chi cuộc nông tín
- Chi Kiến thiết
- Sở Hỏa xa (nhà ga Phan Thiết)
- Trại cải huấn (lao xá).

b) Về Quân sự :

- Cơ quan quân sự (trước là Tiểu khu)
- Tỉnh đoàn Bảo an kiêm Phòng Dân vệ Tỉnh
- Tiểu đoàn 81
- Ty Hiến Binh Quốc gia
- Ty An ninh quân đội.



Ngoài ra, trong phạm vi tỉnh Bình thuận còn có Sư đoàn 5 bộ binh (trước là sư đoàn 3 Dã chiến) trực thuộc đệ tứ Quân khu. Bộ Tư Lệnh Sư đoàn này đóng tại Sông Mao (quận lỵ Hải ninh) các Trung đoàn và Tiểu đoàn trực thuộc đóng tại các nơi quan yếu trong tỉnh.

x

x

x

Tỉnh Bình Thuận hiện có các đơn vị hành chánh kê sau :

I. Quận Hàm Thuận (Quận lỵ đặt tại ngoại ô Châu Thành Phan Thiết về phía Tây Bắc) : có 19 xã gồm 72 ấp (trừ xã Văn Mỹ mới giao thêm cho tỉnh Bình tuy và xã Châu thành Phan Thiết trực thuộc quyền điều khiển của Tòa Tỉnh trưởng), chia ra như sau :

1.- Xã Phú Long có 6 ấp : Phú cường, Phú thịnh, Phú hòa, Phú bình, Phú trường, và Phú an - Rộng 40 cây sô vuông - dân số 3.979 người.

2.- Xã Kim ngọc có 3 ấp : Kim thanh, Kim bình, và Kim hòa - Rộng 12 cây sô vuông - dân số 2.558 người.

3.- Xã Phú Hội có 4 ấp : Phú Nhạng, Phú diên, Phú xuân, và Phú mỹ - Rộng 35 cây sô vuông - dân số 2.698 người.

4.- Xã Bình mỹ thuận có 4 ấp : Bình an, Mỹ thanh, Ninh thuận và Bình lâm - Rộng 40 cây sô vuông -



dân số 3.658 người.

5.- Xã Mường mán có 2 ấp : Bàu ruộng và Đăng Thành (tức thôn Mường Mán cũ) Rộng 60 cây số vuông - dân số 2.434 người.

6.- Xã Thọ ninh : (trại định cư địa phương hóa nằm trong địa phận Xã Mường mán - có 4 ấp : Thuận lưu, Nam ninh, Tây ninh, Đông ninh - Dân số 1.316 người.

7.- Xã Tân phú xuân có 4 ấp : Tân an, Tân điền, Tân nông và Tân bình - Rộng 62 cây số vuông - dân số 5.020 người.

8.- Xã Tân lâm có 2 ấp : Tân an và An lâm - Rộng 105 cây số vuông - dân số 1.485 người.

9.- Xã Kim bình có 4 ấp : Bình sum, Liên thanh, Thanh bình và Bình tú - Rộng 50 cây số vuông - Dân số 2.120 người.

10.- Xã Phú sung có 5 ấp Phú minh, Phú thọ, Phú sơn, Gò bổi và Thuận nghĩa rộng 320 cây số - dân số 5.020 người.

11.- Xã Phú lâm có 5 ấp : Phú phong A, phú phong B, Phú sum, Phú hương và Phú khánh - Rộng 36 cây số vuông - dân số 5.343 người.

12.- Xã Vĩnh lưu (trại định cư địa phương hóa) nằm trong địa phận xã Phú lâm - Chỉ có một ấp đặt tên là Bào lưu - dân số 2.478 người.

13.- Xã Hòa vinh, có 5 ấp : Hòa Tân, Hòa Thành, Hòa Đông, Hòa Điền và Hòa lâm - Rộng 72 cây số vuông - dân số 4.858 người.



14.- Xã Hòa An, có 3 ấp : Lâm Hòa, Lâm An và Phước Lạc - Rộng 40 cây sô vuông - dân số 1.275 người.

15.- Xã Long Phú, có 5 ấp : Long giang, Long Hoa, Long Lân, Long Hiệp và Long Khê - Rộng 135 cây sô vuông - dân số 3.726 người.

16.- Xã Đại Năm, có 4 ấp : Đại Hòa, Đại Thiện, Đại Lộc và Đại Thành - Rộng 75 cây sô vuông - dân số 2.867 người.

17.- Xã Lai An, có 5 ấp : An hiệp, An Thuận, An Hòa, An Lợi và Tường Thanh - Rộng 20 cây sô vuông - dân số 6.082 người.

18.- Xã Tân Hưng, có 4 ấp : An Phú, Hội Nhơn, Tân Hưng và Vĩnh Hưng Phú - Rộng 30 cây sô vuông - dân số 4.988 người.

19.- Xã Tường Phong, có 2 ấp : Trinh Tường và Xuân Phong - Rộng 32 cây sô vuông - dân số 1.600 người.

II.- QUẬN HẢI LONG (Quận lỵ đặt tại xã Khánh Thiện) : có 7 xã, gồm 37 ấp, chia ra như sau :

1.- Xã Khánh Thiện, có 6 ấp : Khánh an, Khánh nghĩa, Khánh nhân, Khánh vị, Khánh phúc, Khánh điền, rộng 15 cây sô vuông - Dân số 5.439 người.

2.- Xã Thiện Nghiệp, có 4 ấp : Phú điền, Phú sơn, Phú Vinh và Phú trung - Rộng 103 cây sô vuông - Dân số 3.062 người.



3.- Xã Thạch Long, có 4 ấp : Long Linh, Long Nghĩa, Long Sơn và Long Lâm - Rộng 48 cây số vuông - dân số 3.050 người.

4.- Xã Thiện Khánh, có 5 ấp : Thiện Hải, Thiện Long, Thiện Phước, Thiện Sơn và Thiện Hòa - Rộng 42 cây số vuông - Dân số 3.421 người.

5.- Xã An Hải, có 5 ấp : Ngọc Hải, Thuận Hải, Sơn Hải, Tân Hải và Phú Hải - Rộng 24 cây số vuông - dân số 4.001 người.

6.- Xã Thanh Hải, (trại định cư địa phương hóa nằm trong địa phận xã An Hải - có 8 ấp : Sung hạ, Sung thượng, Ngoại hải, Sầm sơn, Đông xuyên, Như xuân, Nghệ an và Quảng bình - dân số 3.769 người.

7.- Xã Phước Thiện Xuân, có 5 ấp : Bào Tôn, Xóm Mới, Chợ dinh, Phước Môn, và Dương Xuân - Rộng 12 cây số vuông - dân số 1.107 người.

III.- QUẬN HÒA ĐA (Quận lỵ đặt tại xã Phan rí Thành) : có 6 xã, gồm 31 ấp, chia ra nhưsau :

1.- Xã Phan rí Thành, có 4 ấp : Bình thủy, Thoại Thủy, Long Lễ và Long Hà - Rộng 33 cây số vuông - dân số 4.881 người.

2.- Xã Phan rí Cửa, có 6 ấp : Hải tân, Giang hải, Sông Thạnh, Lâm Lộc, Phú Hải và Phú Ninh - Rộng 26 cây số vuông - dân số 13.570 người.



3.- Xã Lương Sơn, có 4 ấp : Lương Trung, Lương Bình, Lương Tây và Lương Lợi - Rộng 192 cây sô vuông - dân số 3.338 người.

4.- Xã Duồng, có 4 ấp : Hà thủy, Hiệp đức, Thanh lương, và Hội Tâm - Rộng 29 cây sô vuông - dân số 4.700 người.

5.- Xã Chợ Lầu, có 9 ấp : Hiệp đức, Tân bình, Hiệp hoàn, Hiệp thành, Xuân, quang, Xuân hội, Xuân an, Hiệp phúc và Hòa thuận - Rộng 50 cây sô vuông - dân số 5.864 người.

6.- Xã Nhơn Thiện, có 4 ấp : Nhơn long, Thiện ái, Nhơn hòa và Nhơn đức - Rộng 284 cây sô vuông - dân số 3.755 người.

IV.- QUẬN TUY PHONG. (quận lỵ đặt tại xã Liên Hương) : có 4 xã, gồm 10 ấp, chia ra như sau :

1.- Xã Liên Hương, có 4 ấp : Long hương, Long Tĩnh, Tuy Tĩnh và Phú điền - Rộng 78 cây sô vuông - dân số 8.268 người.

2.- Xã Bình long, có 2 ấp : Bình Thanh và Vĩnh Long - Rộng 26 cây sô vuông - dân số 1.220 người.

3.- Xã Vĩnh hòa, có 2 ấp : Vĩnh hảo và Đại Hòa - Rộng 235 cây sô vuông - dân số 1.585 người.

4.- Xã Phước Thế, có 2 ấp : Long phúc và Long thế - Rộng 11 cây sô vuông - dân số 1.615 người.



V.- QUẬN PHAN LÝ CHÂM (Quận lỵ đặt tại Xã Hựu Anh)  
Quận này sắp có thêm vài xã mới và một số ấp vùng  
Thượng sẽ được phân định lại - Hiện giờ có 7 xã (kể  
cả 2 làng Thượng thi điểm : Sông trào và Gia Lê mới  
được chính thức cải biên thành 2 đơn vị xã), kê sau

1.- Xã Hựu an, có 5 ấp : Hựu an, Trì đức, Trì  
hiếu, Kỳ la, Trường loan, Ninh hà, Chưởng thiện, Ho  
đá và Tâm ru - Rộng 505 cây số vuông - dân số 3.120  
người.

2.- Xã Tịnh mỹ, có 8 ấp : Mai lãnh, Châu ha  
Trí thái, Thanh khiết, Tịnh mỹ, Cảnh diễn, Cây gia  
Trịnh hòa - Rộng 460 cây số vuông - Dân số 3.145  
người.

3.- Xã Hậu quách, có 3 ấp : Hậu quách, An  
bình, và Minh Mỹ - Rộng 198 cây số vuông - dân số  
1.996 người.

4.- Xã Lạc Trị, có 9 ấp : Lạc trị, Thành v  
Cao hậu, Vĩnh hanh, Phú nhiều, Tuy tịnh, Tà bo, Tà  
nôi, Tà ly - Rộng 646 cây số vuông - dân số 2.960  
người.

5.- Xã Ma lâm Châm, có 5 ấp : Ma lâm Châm,  
Lâm thành, Nông tang, Giang mâu và Nhơn thuận - Rộng  
560 cây số vuông - dân số 2.005 người.

6.- Xã Sông Trao, (địa điểm tập trung đồng  
bào Thượng) nằm trong địa phận xã Ma lâm Châm (tr  
là I ấp) dân số hiện có 1.143 người.



7.- Xã Gia Le, (địa điểm tập trung đồng bào Thượng) cũng nằm trong địa phận xã Ma lâm Chăm (trước là I ập), dân số hiện có 903 người.

Hiện nay (tháng giêng 1959), các thí điểm tập trung khác đang được xúc tiến thành lập là Ka Lon (giáp ranh giới tỉnh Lâm đông) và Tré (đặt tên mới là xã Gia Hòa).

VI.- QUẬN HẢI NINH (Quận lỵ Sông Mao) : hiện có 8 xã, gồm 23 ập, chia ra như sau :

1.- Xã Xuân Thu, có 3 ập : Xuân bình, Xuân an và Xuân lạc - Rộng 51 cây số vuông - dân số 2.267 ng.

2.- Xã Hòa lạc, có 3 ập : Nguyệt hoa, Quang long và Minh sinh - Rộng 51 cây số vuông - dân số 3.213 người.

3.- Xã Thọ Xuân, có 3 ập, An ninh, Hòa bình và Tân lập - Rộng 51 cây số vuông - dân số 2.500 người.

4.- Xã Thanh Sơn, có 4 ập : Thanh long, Thanh phương, Thanh Tú và Lễ nghi - Rộng 52 cây số vuông - dân số 3.515 người.

5.- Xã Lục thủy, có 2 ập, Xuân lan và Tinh Trênh - Rộng 26 cây số vuông - dân số 3.028 người.

6.- Xã Châu hanh, có 2 ập : Thịnh thủy và Thịnh sơn - Rộng 36 cây số vuông - dân số 1.530 người.



7.- Xã Suối Nhôm, có 2 ấp : Hòa an và Hòa Thành  
Rộng 168 cây số vuông - dân số 2.055 người.

8.- Xã Sông Lũy, có 4 ấp : Hòa bình, Vĩnh long,  
Thanh hải và Long Thanh - Rộng 57 cây số vuông - dân  
số 2.551 người. Dân số kể trên chỉ tính thường dân, còn  
chia đình quân nhân thuộc Sư đoàn<sup>3</sup> Dã chiến (nay đổi tên  
là Sư đoàn 5 bộ binh) chưa kể đến - Nếu tính chung thì  
dân số quận Hải ninh có đến 52.600 người.

VII.- QUẬN PHÚ QUÝ. (quận lỵ đặt tại xã Long hải) Quận  
này là một Hải đảo, hiện có 3 xã, gồm 10 ấp, chia ra  
như sau :

1.- Xã Long hải, có 2 ấp : Long Hải đông và  
Long Hải tây - Rộng 115 cây số vuông - dân số 2.116  
người.

2.- Xã Tam Thanh, có 3 ấp : Triều dương, Mỹ Khê  
và Nội an - Rộng 11 cây số vuông - dân số 2.294 người.

3.- Xã Ngũ Phụng, có 5 ấp : Phú mỹ, An hòa, Hải  
châu, Quý Thạnh và Thanh hải - rộng 14 cây số vuông -  
dân số 3.215 người.

x

x

x



Ngoài các đơn vị Hành chánh kể trên, Xã Phan thiết (tức Châu thành, tỉnh lý) về phương diện đất đai thì thuộc quận Hàm thuận (nghị định số 213-HC/P6 ngày 17-5-1958 của Bộ Nội Vụ Việt Nam Cộng Hòa) nhưng vì tính chất đặc biệt nên về phương diện hành chánh thì Hội đồng xã này trực quyền điều khiển của Tòa Tỉnh Trưởng Bình Thuận chứ không phải qua cấp trung gian là quận Hàm thuận.

Xã Châu Thành Phan Thiết hiện có 8 ấp : Đức Thắng, Đức Nghĩa, Đức Long, Lạc Đạo, Phú Trinh, Bình Hưng (đều là các bộ phận cũ), Vĩnh Thủy và Vĩnh Phú (là hai trại định cư địa phương hóa) - Diện tích toàn xã 4.500.000 thước vuông tức là 4 cây số vuông, 500 - dân số 54.839 người.

Xã Phan thiết còn đang được lập thêm ấp và minh định ranh giới của các ấp Vĩnh phú, Vĩnh thủy và các ấp mới.



PHẦN THỨ BẢY

TỔ CHỨC THÔNG TIN

1/- CƠ SỞ.-

- 8 Chi Thông Tin và 1 Cuộc
- 56 Ban Thông Tin Xã
- 172 Trạm Thông Tin ấp
- 122 Chòi phát thanh
- 41 Ban Văn Nghệ
- 512 Bảng dán tin
- 415 Bảng viết tin
- 508 Khẩu hiệu.

2/- NHÂN SỰ.-

Tại Ty : 21 nhân viên và cán bộ  
Các Chi: 28 nhân viên và cán bộ

3/- DỤNG CỤ.-

- 14 máy chữ
- 14 Radios
- 13 amplis
- 31 Hautparleurs
- 11 micros
- 1 máy ghi âm
- 1 máy tăng điện
- 1 máy phát điện
- 1 loa phóng thanh
- 2 máy ảnh
- 5 máy chiếu bóng
- 2 máy phóng ảnh
- 1 điện ảnh xa
- 1 xe đạp
- 2 máy in ronéo.